

# HOA NGHIÊM KINH NỘI CHƯƠNG MÔN ĐẰNG TẠP KHÔNG MỤC

## QUYỂN 4

### MỤC LỤC

- Phẩm Mười minh, Mười minh, Diệt tận định.
  - Phẩm Mười nhãn, Mười nhãn, A-tăng-kỳ phẩm, Thời kiếp.
  - Phẩm Thọ mạng, thọ mạng sai biệt, Vãng sinh.
  - Phẩm Bồ-tát trụ xứ: Trụ xứ, phẩm Bất tư nghị pháp, Hiển quả đức tự tại.
  - Giải thoát: phẩm Như Lai tướng hải, tướng hải.
  - Phẩm Tiểu tướng quang minh công đức: Tiểu tướng dụng.
  - Phẩm Phổ Hiền Hạnh: Phổ Hiền, phẩm Tánh khởi, nói tánh khởi.
  - Quên mất là chẳng phải luận, nói về Niết-bàn.
  - Kiến văn cúng dường phước phần.
  - Hội thứ bảy, phẩm Ly thế gian nói về trí, pháp Bất cộng.
  - Sáu niệm, Chín định thứ đệ, Tám người, hai hạnh Kiến pháp.
  - Bích-chi-phật, Bồ-tát, năm thứ sinh.
  - Hội thứ tám: phẩm Nhập pháp giới: Hội tâm.
  - Thánh hiền thiện tri thức, bốn thân cận.
  - Giải thích ý văn bốn mươi lăm tri thức, Dung hội nghĩa Nhất thừa.
  - Hiển nghĩa thêm bớt của Hoa Nghiêm Kinh Bộ phẩm.
  - Giải thích hai kinh Anh Lạc và Bốn Nghiệp Phạm Vong để nói về nghĩa Nhất thừa của kinh Hoa Nghiêm.
  - Chứng phạm vị Dụng Giáo của Kinh Hoa Nghiêm.
  - Nghĩa Bốn Phạm Đồng khác, Âm Nghĩa Bộ Kinh Hoa Nghiêm.
- Các môn trên tổng cộng có một trăm bốn mươi một thứ.

\*\*\*\*\*

### PHẨM MƯỜI MINH, NÓI VỀ MƯỜI MINH

Mười minh, mười là số, là thấu suốt lý do, nói minh nghĩa này thông với mười địa, tức đức của mười địa chẳng đồng với ba thừa và Tiểu thừa, nói rộng như trong phẩm Ly Thế Gian.

- Định Diệt tận:

Định Diệt tận có chia làm ba, tức là Nhất thừa, Ba thừa và Tiểu thừa. Nghĩa Nhất thừa, tức thể thành dụng, giáo hóa chúng sinh thành các Phật sự. Như Tỳ-kheo Hải Tràng vào định diệt tận. Tức trên thân phát ra mây thân pháp giới mà làm lợi ích chúng sinh. Định diệt tận của Ba thừa là ở trên tự thân chẳng nói thành dụng, biến thành thân khác, y vào vật khác mà thành dụng lợi sinh, được gọi là Câu hành, y cứ tự thân Bồ-tát thì chẳng thể nói: Y cứ tâm cơ chúng sinh mới được nói, cùng với Bồ-tát làm (câu hành). Định Tiểu thừa thì không có tướng câu hành lợi tha, xuất định về sau mới thành biệt sự. Thể là Nhất thừa diệt định dùng pháp giới làm thể nhưng vẫn từ thắng duyên mà nói nghĩa diệt ấy, gọi là Bất tương ứng. Bất tương ứng tức là đạo lý. Ba thừa định thể, tức là thật tánh chân như tùy thắng duyên ấy mà nói Bất tương ứng. Bất tương ứng tức là lý. Đạo lý Nhất thừa, một tức tất cả, tất cả tức một đủ Nhân-đà-la và vi tế. Đạo lý Ba thừa, chỉ là một vắng lặng, chẳng nói tướng nào khác, gọi là Bất tương ứng. Bất tương ứng là chẳng phân biệt tương ứng. Tiểu thừa, diệt định thì dùng bất tương ứng làm thể. Bất tương ứng, tức là sự pháp, là Bất tương ứng tu. Được vị khác nhau, là y cứ theo vị Tiểu thừa, mười hai người được, tức là diệt hoặc phi tướng. Có tám người được trừ cụ phược của phàm phu, La-hán, Bích-chi, Bồ-tát và Phật Đại thừa. Sơ giáo ba người được, tức là Bất định vị, định vị và Phật. Trong đây diệt định Đại Tiểu thừa, như trong Bất vị định mà được là định Tiểu thừa. Trước ở vị Tiểu thừa đã được diệt định. Trong vị Đại thừa trực tiến thì bốn người được. Bất định vị và định vị Bát địa và Phật địa. Hai vị đầu thì đồng với Tiểu thừa, do trước được mà sau lại hồi tâm. Nếu y cứ Thực giáo vị thì năm người được bất định vị là một, định vị là hai, Sơ địa trở lên đến Lục địa, Thất địa là ba, Bát địa trở lên là bốn, Phật địa là năm. Bất định vị đầu chung với Đại thừa sơ giáo và Tiểu thừa. Vì sao? Vì hai người này đều có hồi tâm vào Thực giáo. Nếu y cứ Đốn giáo thì chẳng thể nói, Viên giáo tức sáu vị được, được từ Sơ bất định vị và định vị cùng giải vị tâm thứ sáu Sơ địa trở lên, Bát địa trở lên và Phật địa. Nếu y vào Thực giáo, là Tiểu thừa hồi tâm. Nếu y cứ riêng đức mười địa thì Lục địa được. Nếu y cứ vào Sơ giáo trực tiến hồi tâm thì đồng với Thất địa được. Nếu y cứ Thực giáo hồi tâm tức y Viên

giáo riêng tướng vị mười địa thì Bát địa được, được định diệt tận của Nhất thừa. Vì sao? Vì Ba thừa diệt tận định trước đã được. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **PHẨM MƯỜI NHẪN:**

Mười nhẫn là: 1/ Tùy thuận âm thanh nhẫn; 2/ Thuận nhẫn; 3/ Vô sinh pháp nhẫn; 4/ Như huyễn nhẫn; 5/ Như viêm nhẫn; 6/ Như mộng nhẫn; 7/ Như hưởng nhẫn; 8/ Như điển nhẫn; 9/ Như hóa nhẫn; 10/ Như hư không nhẫn. Mười nhẫn này chung cho cả mười địa, sở dĩ nói mười là muốn hiển bày vô lượng. Giải thích rộng như trong chương khác.

### **PHẨM A TĂNG KỲ, THỜI KIẾP**

Nói về thời gian A-tăng-kỳ Đại thừa Tiểu thừa nói khác nhau. Tiểu thừa thì dùng sáu mươi kiếp làm một đại kiếp A-tăng-kỳ, Tiểu thừa nói trải ba tăng-kỳ thì được thành Phật. Đại thừa nghĩa từ Câu-lê trở đi thành một trăm câu gọi là một thọ, một thọ trở lên gọi là một A-tăng-kỳ, đây là số lớn, là số thứ nhất trong mười số. Ba thừa, Đại thừa, Phật chỉ mười phương hóa nghi trải qua ba đại kiếp này mà tu đạo thì được thành Phật. Nếu nghĩa Đốn giáo thì tức chẳng thể nói. Nếu nghĩa Nhất thừa thì tức vô tận kiếp. Vì sao? Vì y theo Nhất thừa thì tất cả chúng sinh đã thành Phật rồi, lại làm cho chúng sinh thành Phật. Cũng chẳng trụ ở học địa mà thành Chánh giác. Cứ y theo đây thì chẳng cục hạn thời phần, cho nên vô tận. Đây là nghĩa hưng giáo giáo lượng đức mười địa mà sinh tin. Lại, pháp số này chung cho cả Mười địa đều được. Nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **PHẨM THỌ MẠNG, THỌ MẠNG KHÁC NHAU**

Thọ mạng, trải qua một thời gian gọi là Thọ (tuổi thọ). Mạng là mạng căn, lại Thọ tức là Mạng. Tiểu thừa lấy pháp phi sắc phi tâm làm thể, Đại thừa lấy pháp Bất tương ưng làm thể. Nhưng Đại thừa Sơ giáo Bất tương ưng không đồng với Tiểu thừa. Tiểu thừa bất tương ưng là thuộc về sự tụ. Đại thừa Sơ giáo Bất tương ưng là lý, chẳng phải sự, lại tức là không. Nếu y theo Chung giáo thì tức là sự. Nếu y theo Nhất thừa thì tất cả tự tại. Vì sao? Vì đó là pháp giới, nên dài ngắn tự tại, tùy cơ mà thấy có khác nhau chẳng đồng. Hỏi y vào văn kinh đem cõi nước Ta-bà mà đối lại với cõi nước A-di-đà thì nói về mạng có dài ngắn. Theo mạng căn ở cõi Tam thiên và mạng căn ở cõi Phật tùy có ngắn dài nhưng căn pháp chẳng khác. Nghĩa nay là sao? Đáp: Theo nghĩa Ba

thừa. Tịnh độ chép: Mạng tức là báo mạng, tuy nhiên tịnh khác nhau mà nghĩa mạng chẳng khác, trừ các Phật, Bồ-tát biến hóa chẳng thuộc trường hợp này. Nếu nghĩa Nhất thừa, giả sử thế giới tánh đồng trong mười cõi nước có bao nhiêu mạng căn, tuy phước phần có hơn nhưng mạng cũng chẳng khác, trừ cảnh giới Phật thì chẳng thể nói chẳng thể nói. Nếu y cứ tông phần thì phạm phu ước người mà nói về mạng, Thanh văn y cứ thật pháp mà nói về mạng. Nếu Bồ-tát Sơ giáo thì tức không mà nói về mạng. Nếu Bồ-tát Chung giáo thì tức như mà nói về mạng. Nếu Nhất thừa thì tức pháp giới tự tại mà nói về mạng. Nghĩa này chung cho cả Mười địa. Nếu y cứ theo Biệt giáo thì tín vị chung tâm liền được. Nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### TRONG PHẨM THỌ MẠNG NÓI VỀ KHÁC NHAU

Nghĩa vãng sinh gồm có bảy môn: Một là nói ý vãng sinh, hai là nói tin cảnh vãng sinh, ba là nói nhân duyên vãng sinh, bốn là nói nghiệm sinh pháp vãng sinh, năm là nói nghiệp hạnh vãng sinh, sáu là nói nhân vị phần tử vãng sinh, bảy là nói nghiệp hạnh hồi chuyển vãng sinh khác nhau.

1/ Nói ý vãng sinh: Vì muốn đề phòng lui sụt là kẻ hạ Nho căn trong thế giới Ta-bà tạp ác, đối với duyên có nhiều lui sụt, Phật dẫn việc vãng sinh Tịnh độ duyên mạnh chỉ tiến mà không lùi, cho nên Phật chế ra vãng sinh. Vãng sinh có hai chỗ: Một là phương Tây, hai là sinh về chỗ ngài Di-lặc. Nếu muốn dứt phiền não thì dẫn sinh phương Tây, không dứt phiền não thì dẫn sinh trước Phật Di-lặc. Vì sao? Vì phương Tây là cõi lạ, cần phải hàng phục dứt trừ hoặc, còn Di-lặc là đồng cõi nên không cần dứt hoặc, nghiệp thành liền vãng sinh.

2/ Tin cảnh vãng sinh: nghĩa là cõi nước Phật A-di-đà có Nhất thừa, ba thừa khác nhau. Nếu y theo Nhất thừa thì cõi Phật A-di-đà thuộc về thế giới hải. Vì sao? Vì dẫn gần cơ mới thành tín giáo cảnh chân thật, cõi nước Phật viên dung chẳng thể nói. Nếu y theo ba thừa thì Tịnh độ Tây phương là chỗ Thật báo, chung thành bốn cõi: Một là cõi pháp tánh, hai là sự Tịnh độ, ba là cõi Thật báo, bốn là cõi hóa Tịnh. Hóa là báo hóa chẳng phải báo thân hóa, ở trong đó có Phật và cõi nước Bồ-tát, quyến thuộc, v.v... như Nhiếp Luận mười bảy quán cảnh viên tịnh, suối ao hoa quả, các thừa hơn kém tạp loại khác nhau, đều đối với chúng sinh hữu tình ở Ta-bà có các thứ sắc tâm cảnh giới, y chánh đầy đủ đều dẫn tiếp khiến thành pháp môn sinh tín. Phật ở phương Tây thì dẫn như Phật ở phương này mà tâm thường quen thuộc, cây rừng ở

phương Tây giống như cây rừng ở cõi này, Bồ-tát ở phương Tây cũng như bạn thiện tri thức ở cõi này, nước tám công đức ở phương Tây như nước ở cõi này. Như thế tất cả đều y theo để biết mà nương bốn thứ Tịnh độ mà tu hành.

3/ Nhân duyên vãng sinh, nghĩa là được vãng sinh là do sáu nhân duyên thành bốn duyên: Một là Nhân duyên, hai là Đăng vô gián duyên, cũng gọi là duyên Thứ đệ, ba là duyên Sở duyên, cũng gọi là duyên duyên, bốn là duyên Tăng thượng. Bốn thức nghiệp chủng làm nhân duyên, tâm cầu sinh làm duyên thứ đệ, Tịnh độ các cảnh làm duyên duyên, các pháp chẳng ngại khác làm duyên Tăng thượng. Sáu nhân: Một là nhân Năng tác, cũng gọi là nhân Sở tác; hai là nhân câu hữu, cũng gọi là nhân Cộng hữu; ba là nhân tương ứng; bốn là nhân Đồng loại cũng gọi là nhân Tự phần; năm là Biến nhân cũng gọi là nhân Biến hạnh; sáu là nhân Dị thực quả, cũng gọi là Báo nhân. Sáu nhân sinh năm quả tương ứng cùng có hai nhân cảm quả tăng thượng nhân Tự phần, Biến nhân thì cảm y quả. Sở tác, tự phần tương ứng cùng có cảm quả giải thoát và quả sĩ phu, cũng gọi là quả công dụng. Báo nhân thì cảm báo quả, vãng sinh Tịnh độ năm nhân cảm năm quả, trừ nhân biến hạnh. Sáu nhân bốn duyên này gọi là số thông ba thừa giáo. Ngu pháp Tiểu thừa thì không có Tịnh độ, nên chẳng lấy tên nhân duyên Tiểu thừa. Y Đại thừa Sơ giáo sáu nhân bốn duyên đều làm nhân sinh, dẫn hai nhân và mười nhân, hai mươi nhân, v.v... y cứ theo đó mà biết. Chung giáo chỉ có bốn duyên và cùng làm nhân. Đốn giáo chỉ cùng làm nhân. Viên giáo là tất cả nhân. Vì sao? Vì các giáo đều thành vãng sinh. Các nghĩa y theo đây mà biết.

4/ Vãng sinh nghiệm sinh pháp. Lược có mười môn: Một là tác đạo tràng môn, tức sắp đặt đạo tràng, thờ tượng Phật A-di-đà, cờ phước đèn hương, tán hoa tẩm gội, đốt hương lễ Phật hành đạo, niệm Phật A-di-đà một ngày đến bảy ngày nghiệm được vãng sinh; Hai là thực hành pháp hai mươi một ngày là y theo trước kiến lập đạo tràng, niệm Phật hành đạo sám hối lễ bái tụng kinh Đại thừa hai mươi một ngày mãn, nghiệm được vãng sinh; Ba là y theo mười sáu pháp quán và chín phẩm sinh y kinh được giới hạn, nghiệm được vãng sinh; Bốn là y theo pháp Vu-lan-bồn, y theo Trưởng giả Na-hàm khởi giáo tạo Vu-lan-bồn, y giáo tu thành, nghiệm được vãng sinh; Năm là y kinh vãng sinh, dựng lập phước vàng, là bày tượng Phật lễ bái làm pháp quán đảnh hoặc chưa chết, hoặc đã chết, đúng như pháp thành tựu mà được nghiệm vãng sinh; Sáu là xem chỗ ấm khi chết, đầu ấm thì nghiệm được vãng

sinh; Bảy là y kinh Di-lặc phát vấn mười niệm thành tựu hết một đời thì nghiệp người này chắc chắn được vãng sinh; Tám là nghiệp thân trung ấm cũng được vãng sinh, nếu thân trai, con gái tùy lúc biết cha mẹ ấy có hành tướng chẳng y nghiệp tướng trước thì phải làm pháp hai mươi một ngày khác mà niệm Phật hành đạo, sám hối diệt tội, dốc lòng triệt để thì nghiệp được trung ấm cha mẹ vãng sinh; Chín là y pháp quán đánh, ngày mồng 8 tháng 4 làm lễ tắm Phật và tắm cây Bồ-đề, phước đến cha mẹ anh em chị em đều nghiệp vãng sinh; Mười là trọn cả một đời sáu thời lễ Phật sám hối tạ tội và đứng tới lui đều tham từ lễ bái tạ lỗi tôn nghi không xen hở thì nghiệp được vãng sinh.

5/ Hạnh nghiệp vãng sinh: bất luận nội môn ngoại môn hữu lưu vô lưu đều là nghiệp hạnh vãng sinh, bất luận là hiện đời, quá khứ vị lai nhiều đời tất cả phước tuệ và tất cả các hạnh nghiệp năm thừa đều hồi hướng làm nghiệp hạnh như thế y theo mà biết.

6/ Người vãng sinh giới hạn rộng lớn, đã có giải thích ở trước, trong tín vị thành mười pháp lành. Chánh tu hành thì giáo gia gọi đó là vị. Vì sao? Vì trong vị này đề phòng lui sụt và thối diệt cùng phế thối. Mười giải trên không có ba thối giáo tức chẳng làm. Đây là nói theo Chung giáo. Nếu theo Sơ giáo thì Mười Hồi Hướng trở lại là chỗ làm đó. Vì sao? Vì Mười Hồi hướng trở đi được bất thối, nếu theo Đốn giáo và Viên giáo ở Tín vị chung tâm tự phần trở lại là chỗ vị ấy làm. Đốn giáo và Viên giáo tuy không có tướng nhanh chậm khác nhau nhưng nói theo Chung giáo thì thấy nghe thành nhiều ít nhưng lý vẫn chẳng đồng, phải y cứ theo mà biết. Đây y văn chín phẩm sinh của quán kinh theo đó liền biết.

7/ Vãng sinh nghiệp hạnh hồi chuyển khác nhau. Nghiệp vãng sinh ấy nếu trời người ở cõi này có các gốc lành. Hoặc chánh gốc lành ở ba thừa, hoặc chánh thiện căn cầu sinh Tịnh độ ở mười phương, mà hồi hướng sinh phương Tây thì đều thành nhân trợ hạnh. Nếu nói về chánh sinh thì nhân ấy liền chọn nhân khổ tập ba cõi trí vô phân biệt làm nhân chánh hạnh phát nguyện cầu sinh tâm thắng phương tiện. Khi qua đời muốn sinh làm duyên thứ đệ, tức là chánh thắng dực. Khi qua đời hạnh và giải của thiện tri thức làm thân tăng thượng gốc lành đời trước. Phần lớn y theo kinh mà thành nhiều gốc lành, y cứ một đời trong hiện đời làm nối tiếp các thứ gốc lành nhiều ít thì làm chánh nhân, chẳng phải là ý biệt thời, từ đây trở đi là ý biệt thời, khiến sinh phương Tây, cho đến được bất thối, tuy có trước sau nhưng vẫn lấy bất thối làm đại tông, từ đây trở đi càng thêm hơn, thì sẽ sinh vô biên cõi Phật, cho đến cõi

Phổ Hiền, lại vào biển Thế Giới Liên Hoa Tạng ấy mà thành dụng khởi hóa. Đây là y cứ rất ráo vào nhà mà nói. Nếu y theo Quán kinh Thượng Phẩm Thượng Sinh, nghe pháp mâu rồi liền ngộ Pháp nhãn Vô sinh, trong phúc chốc kính thờ chư Phật khắp các cõi mười phương, ở trước chư Phật thứ lớp được thọ ký rồi trở về nước mình mà được vô lượng trăm ngàn môn Đà-la-ni. Đây là nói theo từ đầu đến cuối. Lại y theo luận Vãng Sinh thì có hai pháp tiệm thứ giúp nhau là một là nhân, hai là quả:

1. Nhân thì có năm môn rất ráo được sinh cõi nước An Dưỡng, gặp Phật A-di-đà: Một là môn Lễ bái, hai là môn Tán thán, ba là môn Tác nguyện, bốn là môn Quán sát, năm là môn Hồi hướng. 1- Môn Lễ bái là thân nghiệp lễ Phật A-di-đà Như Lai Ứng Chánh Biến tri làm ý sinh nước ấy. 2- Môn Tán thán là khẩu nghiệp khen ngợi tên Như Lai ấy đúng như trí tướng sáng suốt của Như Lai ấy, như danh nghĩa ấy mà muốn như thật tu hành tương ứng. 3- Môn Tác nguyện: Tâm thường thực hành phát nguyện, tâm chuyên nghĩ rất ráo sẽ được vãng sinh cõi nước An Lạc, mà muốn như thật tu hành Xa-ma-tha. 4- Môn Quán sát là trí tuệ quán sát chánh niệm quán nó, muốn như thật tu hành Tỳ-bát-xá-na rộng như luận nói. 5- Hồi hướng môn nghĩa là hồi hướng ba chỗ.

2. Quả, cũng có năm môn, lần lượt thành tựu năm thứ công đức: Một là môn Cận, hai là môn Đại chúng, ba là môn Trạch, bốn là môn Ốc, năm là môn Viên du hí địa. Bốn môn đầu thành tựu công đức, môn thứ năm thì thành tựu xuất công đức. Nhập môn thứ nhất là lấy việc lễ bái Phật A-di-đà cầu sinh nước ấy mà được sinh về thế giới An lạc. Nhập môn thứ hai là dùng khen ngợi Phật A-di-đà thuận theo danh nghĩa, khen ngợi tên Như Lai, y tướng tâm sáng suốt của Như Lai mà tu hành, nên được vào số chúng của đại hội. Nhập môn thứ ba, lấy nhất tâm chuyên niệm làm nguyện sinh, tu hạnh Xa-ma-tha vắng lặng Tam-muội, mà được vào Thế giới Liên Hoa Tạng. Nhập môn thứ tư, dùng chuyên niệm quán sát diệu trang nghiêm ấy mà tu Tỳ-bát-xá-na, được đến chỗ thọ mạng vui ưa pháp vị. Ra môn thứ tư, dùng đại từ bi mà quán sát tất cả chúng sinh khổ não, thị hiện thân ứng hóa trở vào vườn rừng sinh tử phiền não, du hí thân thông đến địa giáo hóa dùng bốn nguyện lực hồi hướng. Bồ-tát tu năm môn như thế, tự lợi lợi tha, mau được thành tựu A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề.

### **PHẨM BỒ TÁT TRỤ XỨ, NÓI VỀ TRỤ XỨ**

Trụ xứ của Bồ-tát y theo năm giáo, năm nghĩa khác nhau. Nếu y



cứ phạm phu ngã sở trụ xứ. Vì sao? Vì Phật, Bồ-tát ở trong chỗ phạm phu mà thị hiện chẳng khác phạm phu. Nếu Thanh Văn trụ xứ thì chỉ có cảnh pháp ngã mà không có nhân. Nếu Bồ-tát trụ xứ thì sơ giáo tức không, Chung giáo tức như vì không thể phân biệt. Nếu y vào Đốn giáo thì tất cả chẳng thể nói vì lìa phân biệt. Nếu Nhất thừa trụ xứ thì tùy phương tự tại, chẳng hai chẳng khác như pháp giới ấy. Nay Bồ-tát trụ xứ tức là Nhất thừa Phổ Hiền trụ xứ, nay dùng tướng thô mà hiện bày phép tắc. Nghĩa này chung cả Mười địa. Vì sao? Vì dùng trụ xứ ấy mà khen ngợi Phổ Hiền vô ngại tự tại. Nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **PHẨM PHÁP BẤT TƯ NGHỊ NÓI HIỂN QUẢ ĐỨC TỰ TẠI**

Quả đức tự tại, lược nói có ba thứ: Một là Tiểu thừa Phật quả đức, hai là Tam thừa Phật quả đức, ba là Nhất thừa Phật quả đức. 1/ Tiểu thừa Phật quả đức: như trong nghĩa Bất cộng sau có một trăm bốn mươi Bất cộng, tức là đức ấy. 2/ Ba thừa quả đức như Nhiếp Luận đã giải thích có hai mươi một thứ công đức tương ứng. Luận ấy lược nêu mười đức Pháp thân: Một là tướng, hai là chứng đắc, ba là tự tại, bốn là y chỉ, năm là nhiếp trì, sáu là sai biệt, bảy là đức, tám là sâu xa, chín là niệm Phật, mười là nghiệp hiển nghĩa pháp thân. Như luận ấy giải thích rộng. Nay lại nêu công đức thứ bảy có hai mươi một câu: Một là tướng ứng với bốn vô lượng rất thanh tịnh; Hai là tám giải thoát, cũng gọi là Bối xả giải thoát tức là: 1- Trong có sắc ngoài quán sắc, 2- Trong không sắc ngoài quán sắc, 3- Tịnh thân chứng giải thoát xứ, 4- Không xứ, 5- Thức xứ, 6- Vô sở hữu xứ, 7- Phi tướng phi phi tướng xứ, 8- Tướng thọ diệt thân chứng vị. Ba bối đầu gọi là Phiền não giải thoát, bốn bối kế gọi là Hạ địa. Một bối sau gọi là Hữu duyên tâm giải thoát. Lại, tám giải thoát này giải thích khác với ý kinh Tiểu thừa; Đại thừa nói: “Quán sắc biết không, không ngại thành sắc” là ý văn này. Giải thoát đầu là bỏ nhiễm tướng sắc, thứ hai là bỏ sắc tâm, thứ ba là thành sắc vô ngại, thứ bốn là bỏ không tâm, thứ năm là bỏ chấp thức tướng, thứ sáu là bỏ thiếu thức tướng, bỏ chẳng tự tại. Sở dĩ biết được là như kinh Pháp Tập Như Lai Công đức, trước nêu tên, sau thứ lớp giải thích rằng: Nay người thiện nam, thế nào là có sắc thấy sắc? Có sắc đều là nhân duyên mà sinh không, không có thọ giả. Hay như thế mà thấy biết bỏ phược thì gọi là giải thoát. Thế nào là tín giải thoát tịnh? Nếu phân biệt tướng tịnh và bất tịnh thì gọi là tà kiến, vì tín tịnh nên được thoát bỏ phược mà gọi là giải thoát. Qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả đối tượng, chẳng nghĩ tất cả tướng dị diệt, biết vô biên hư không, tức vào vô biên hư không, hạnh



vô lượng hư không, như thế biết được thoát bỏ phược, gọi là giải thoát. Qua tất cả hư không biết vô biên thức, tức vào vô biên thức hạnh. Thức Vô biên này tức là không. Hay biết như thế thì được thoát bỏ phược gọi là giải thoát. Quá vô biên thức biết sám hối thiếu (không có chút nào) tức vào hạnh vô sở hữu, tức gọi là phiền não tham sân si. Vào hạnh vô sở hữu là diệt phiền não ấy, hay biết như thế thì thoát bỏ phược, gọi là giải thoát. Qua vô sở hữu mà biết chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, an ổn liền vào hạnh phi tướng phi vô tướng. Chẳng phải có tướng, là tánh không gia tinh. Chẳng phải vô tướng là vì y theo nhân duyên mà có. Hay biết như thế thì thoát bỏ phược, gọi là giải thoát. Qua tất cả phi hữu tướng phi vô tướng, diệt tất cả thọ tướng, vào hạnh diệt tận định, Bồ-tát ấy thấy biết như thế, Tướng như hơi nóng mặt trời, Thọ như bọt nước, Tướng tức thọ, thọ tức tướng, vô trí giả, vô thọ giả hay biết như thế mà được thoát bỏ phược, gọi là giải thoát. Kinh Tát-già-ni-càn Tử nói Đức Như Lai, giải thích thứ đệ định tám giải thoát, đồng với kinh Pháp Tập, các thứ khác có nói rõ trong chương khác.

Ba là nhân tám chế, cũng gọi là thắng xứ, là tâm năng chế cảnh, khiến cảnh theo tâm, nên gọi là chế nhập: Một là trong có sắc tướng ngoài quán sắc có ít sắc tốt sắc xấu; Hai là trong có sắc tướng ngoài quán sắc có nhiều sắc tốt sắc xấu; Ba là trong không có sắc tướng ngoài quán sắc có ít sắc tốt sắc xấu; Bốn là trong không sắc tướng ngoài quán sắc có nhiều sắc tốt sắc xấu; Năm là trong không có sắc tướng, ngoài quán xanh xanh sắc xanh quán ánh sáng xanh; Sáu là trong không sắc tướng ngoài quán vàng vàng, sắc vàng, quán ánh sáng vàng; bảy trong không sắc tướng ngoài quán đỏ đỏ sắc đỏ quán ánh sáng đỏ; tám trong không sắc tướng ngoài quán trắng trắng sắc trắng quán ánh sáng trắng. Hơn nữa, ở cảnh giới hơn ở phiền não nên gọi là Thắng xứ.

Bốn là mười Nhất thiết nhập tức là: xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không xứ, thức xứ. Quán các phương trên dưới, mười pháp như xanh v.v... không hai, vô lượng gọi là Nhất thiết nhập.

Năm là Tam-ma-đề Vô Tránh; Sáu là Nguyện trí; Bảy là bốn vô ngại giải; Tám là sáu thông tuệ; Chín là ba mươi hai tướng đại nhân; Mười là tám mươi vẻ đẹp; Mười một là bốn thứ Nhất thiết tướng thanh tịnh, tức là thân thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, trí thanh tịnh; Mười hai là mười lực; Mười ba là bốn vô úy; Mười bốn là bốn bất hộ tức là thân, miệng, ý, mạng; Mười sáu là nhổ trừ gốc tập khí; Mười bảy là không quên nhất pháp; Mười tám là đại bi; Mười chín là mười tám pháp bất cộng; Hai mươi là Nhất thiết tướng tối thắng trí; Hai mươi

mốt là đấng đấng già đấng. Sáu thanh tịnh: Một là hoặc chướng thanh tịnh, do diệt ba chướng như hoặc, v.v..., ba chướng là bì - nhục - tâm; hai là Nghiệp chướng thanh tịnh, do diệt hai mươi hai nghiệp chướng, hai mươi hai là nói đối lại hai mươi hai vô minh; ba là báo chướng thanh tịnh, do trừ bảy thứ sinh tử. Bảy thứ là ba cõi ba thứ phần đoạn và bốn thứ biến dịch; bốn là lợi ích thanh tịnh, do ở trong sinh tử và Niết-bàn không cách ngại; năm là tự tại thanh tịnh, là chẳng do công dụng đối với tất cả pháp như ý năng hiên; sáu là Vô Hý Luận thanh tịnh, là do qua nói năng mà giác quán suy nghĩ cảnh giới. Hai mươi công đức trước là chung cho cả Đại thừa, sáu công đức sau chỉ có ở Đại thừa. Các nghĩa khác như luận đã giải thích. Các thượng công đức này là nghĩa ba thừa, trong đó cũng có đồng khác. Như hai mươi câu đầu thì chung cả ngũ pháp Tiểu thừa, sáu câu sau thì chỉ có ở Ba thừa. Lại hai mươi câu trước thì chung cho Tiểu thừa, mà chỉ chung cho Sơ giáo. Còn sáu câu sau thì thuộc chung giáo của Đại thừa. Như Nhiếp luận nói mười hai câu sâu xa, cũng có hai thuyết: Một là Chung giáo sâu xa, hai là Đốn giáo sâu xa. Nên y cứ theo hai mươi mốt câu mà phán định.

Ba là công đức Nhất thừa, như phẩm Bất Tư Nghì nói: Phật có mười đức: Một là các cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn, hai là các tịnh nguyện của Phật chẳng thể nghĩ bàn, ba là các chủng tánh Phật chẳng thể nghĩ bàn, bốn là chư Phật ra đời chẳng thể nghĩ bàn, năm là pháp thân chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, sáu là âm thanh chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, bảy là trí tuệ chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, tám là thần lực tự tại của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, chín là vô ngại trụ của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, mười là các giải thoát của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Như văn kinh ở dưới sẽ giải thích rộng. Nghĩa chẳng đồng ba thừa và Tiểu thừa, nghĩa Nhất thừa này dưới chung cả mười địa. Vì sao? Vì nhân quả Nhất thừa chẳng hai chẳng khác. Ba thừa và Tiểu thừa chỉ có quả chẳng chung cho nhân. Lại như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương trong hai sâu xa có nói: Các hoặc đã hàng phục diệt trừ, như bị độc chú hại. Do đó hoặc đến hoặc biết Phật chứng Nhất thiết trí. Luận rằng: Các hoặc đã hàng phục diệt trừ như bị chú độc hại. Giải thích rằng: Một bài kệ dưới đây nói thứ mười một là diệt hoặc sâu xa. Các hoặc tức là kiến tu phiền não ở trong địa Bồ-tát trước đã diệt hết, các tâm phiền não kia tuy là chưa diệt, do bị trí niệm phục nên bỏ phước công dụng, thí như bị các độc chú hại không còn công năng. Tâm hoặc cũng thế. Do trí niệm giữ gìn nên chẳng còn sinh hai hoặc nhiễm ô. Luận chép: Do hoặc đến hoặc hết Phật chứng Nhất thiết trí. Giải thích rằng: Các Bồ-tát còn lưu

lại tùy miên, hoặc làm trợ đạo phần, không giống như Tiểu thừa mau bát Niết-bàn. Do việc này nên tu đạo rốt ráo được Tập khí diệt hết và chứng viên trí. Lại như sâu xa thứ tư nói: Nếu chẳng lưu tùy miên dục này thì đồng với Niết-bàn Nhị thừa. Nếu chẳng trừ thượng tâm dục thì chẳng khác phàm phu. Hỏi: Mười hai sâu xa là quả đức pháp thân đã lia các chương, do đâu mà lưu hoặc để nói nghĩa sâu. Đáp: Nay giới hạn của pháp thân đối với bờ sinh tử để nói pháp thân. Trong sinh tử là nghĩa chẳng tự tại, trong pháp thân là nghĩa tự tại, nên nói như thế. Lại như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: Nói nghĩa Ba thừa, luận rằng: Lại có kinh nói Phật pháp sâu xa, giải thích rằng: Dưới nói đạo và đạo quả, nên nói sâu xa. Luận rằng: Thế nào là sâu xa? Trong luận này tự rộng phân biệt tất cả Phật pháp thường trụ là tánh do pháp thân thường trụ, vậy giải thích rằng: Pháp thân các pháp thường trụ, tất cả Phật pháp đều y theo pháp thân, vì pháp thân là đầu. Pháp thân thường trụ là tánh của tất cả Phật pháp. Luận rằng: Tất cả Phật pháp đều dứt, vì tất cả chương đều dứt hết. Giải thích rằng: Mỗi Phật pháp đều không có hoặc chương và trí chương, chương dứt hết là tánh của tất cả Phật pháp, hiện tại phiền não diệt là dứt, phiền não vị lai chẳng sinh là hết, tức là tận trí vô sinh. Luận rằng: Tất cả Phật pháp sinh khởi là tánh, do hóa thân luôn sinh khởi. Giải thích rằng: Do từ bi bốn nguyện sinh khởi hóa thân tiếp nối vô tận. Vì hóa thân sinh khởi là tánh tất cả Phật pháp. Luận rằng: Tất cả Phật pháp năng được là tánh, năng được cùng đối trị chúng sinh tám mươi bốn ngàn phiền não. Giải thích rằng: Tất cả Phật dùng vô sở đắc làm tánh. Đây là chánh thuyết, do ba vô tánh chẳng thể nhất định nói có không. Tuy dùng vô đắc (không được) làm tánh nhưng cũng có thể được. Nếu lia Phật pháp thì không thể phân biệt rõ chỗ đối trị hoặc, chẳng thể được an lập đạo năng đối trị. Luận rằng: Tất cả Phật pháp có dục làm tánh có dục chúng sinh thuộc về ái khiến thành tự thể. Tất cả Phật pháp có sân làm tánh, tất cả Phật pháp có si làm tánh, tất cả Phật pháp có pháp phàm phu làm tánh. Giải thích rằng, ở đây có hai nghĩa: Một là Bồ-tát nhiếp tất cả chúng sinh có dục làm tự thể, tất cả Phật pháp đều y theo tự thể. Hai là đại bi làm ái, ái tức là dục. Bồ-tát dùng đại bi nhiếp tất cả chúng sinh, y vào đại bi mà sinh phước đức trí tuệ hạnh sân si và pháp phàm phu cũng thế. Luận rằng: Tất cả Phật vô nhiễm trước làm tánh mà thành tựu chân như, vì tất cả chương chẳng thể nhiễm. Giải thích rằng: Đạo hậu chân như đoạn tất cả chương hết, là vô cấu thanh tịnh nên gọi là thành tựu, tất cả chương chẳng thể nhiễm tất cả Phật pháp, lấy chân thật này làm thể tánh. Luận chép: Tất cả

Phật pháp chẳng thể nhiệm trước. Chư Phật xuất hiện ra đời, thế pháp không thể nhiệm được. Giải thích rằng: Trước nói cảnh chân như, đây nói trí chân như. Chư Phật, Bồ-tát lấy trí chân như làm thể tức là ứng thân. Thể này là Duy thức, là chân như hiển bày chẳng phải do căn trần phân biệt khởi lên, chẳng phải tám thứ thế pháp và thế pháp khởi các hoặc sân làm ô nhiễm được. Vì sao? Vì đó là đối trị tu được trí vô phân biệt thành tựu gọi là chư Phật hiện ra đời. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Giải thoát: giải thoát của Tiểu thừa là giải thoát các chương, Ba thừa giải thoát là tác dụng tự tại, Nhất thừa giải thoát là vô tận tự tại. Nói về giải thoát có mười: Một là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi đều có thể hiện khắp không thể nói chư Phật ra đời; Hai là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi đều có thể hiện khắp không thể nói không thể nói pháp luân thanh tịnh của chư Phật; Ba là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi giáo hóa điều phục không thể nói không thể nói chúng sinh; Bốn là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi hiện khắp không thể nói không thể nói cõi Phật; Năm là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi thọ ký cho không thể nói không thể nói các Bồ-tát; Sáu là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi khắp hiện chư Phật ba đời ra đời; số bảy trùng với số bốn ở trên; Tám là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi hiện khắp năng lực tự tại của chư Phật ba đời; Chín là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi hiện khắp tất cả chúng sinh ba đời; Mười là tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi hiện khắp tất cả Phật sự ba đời của chư Phật. Sở dĩ nói mười vì muốn nói lên vô lượng. Đây là y cứ theo đã được hạnh Bồ-tát Phổ Hiền rồi thì liền tương ứng. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **PHẨM NHƯ LAI TƯỚNG HẢI, NÓI VỀ TƯỚNG HẢI**

Theo Tiểu thừa thì Phật có ba mươi hai tướng tốt đồng với người, tám mươi vẻ đẹp đồng với trời. Nếu nghĩa Ba thừa về ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thì Sơ giáo không có, Chung giáo tức như. Hỏi: Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp y vào nghĩa ba thừa thừa thì vốn thuộc về hóa thân. Vì sao Nhiếp Luận lại xếp vào Công đức pháp thân? Đáp: Muốn biết nguyên do trước phải biết ý Phật lập giáo. Nếu người Tiểu thừa thì chỉ lập hai Phật: Một là Phật sinh thân (thân sống hiện tại); Hai là Phật hóa thân. Nếu theo Tiểu thừa thì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là thuộc sinh thân. Phật ở trong trời, người cũng đồng là báo thân, chỉ có ngã và vô ngã là khác. Nếu theo ba thừa thì hoặc một Phật, tức là Phật Đốn giáo, chỉ một thật tánh không phân

biệt tức là Phật. Hoặc lập hai Phật là Tự tánh pháp thân Phật và Ứng hóa pháp thân Phật. Nghĩa này ở Chung giáo. Vì sao? Vì đều là pháp thân. Y kinh Phạm Võng thì chỉ xếp vào hai Phật Lô-xá-na báo thân và hóa thân, chẳng xếp vào thân pháp tánh. Hoặc nói có ba Phật: Một là Phật pháp thân, hai là Phật báo thân, ba là Phật hóa thân, một nghĩa này phải ở Hồi tâm giáo. Vì sao? Do người Tiểu thừa chẳng lập pháp thân, đó là theo Nhiếp Luận. Lại pháp thân hai thứ hai mươi một câu công đức hoặc thuộc về ứng thân, hoặc thuộc về pháp thân. Hoặc có bốn Phật, tức là tự tánh thân, pháp thân, ứng thân, hóa thân. Nghĩa này chỉ ở trực tiến giáo. Vì sao? Vì muốn hiển pháp thân là đức sai khác. Thân Tự tánh là chung một thể. Nếu y cứ nghĩa này thì ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp chỗ thuộc về khác nhau. Nếu xét theo hai thân thì có đủ pháp thân. Nếu xét theo ba thân thì thuộc về hóa thân. Nếu xét theo bốn thân thì thuộc về pháp thân và hóa thân. Nếu thuộc pháp thân thì ba mươi hai tướng tốt là nghĩa tướng ấy. Nếu thuộc hóa thân thì ba mươi hai tướng là nghĩa tướng ấy. Sở dĩ biết được vì trong Nhiếp Luận nói ba thân ấy hoặc bốn hữu và tu sinh là pháp thân. Chỉ hiện Tịnh độ thọ pháp lạc là ứng thân, tám tướng thành đạo là hóa thân. Hoặc đem bốn hữu làm pháp thân, hay lấy tu sinh làm ứng thân. Y theo ứng mà khởi hóa ấy là hóa thân mà có sự khác nhau này. Nay nghĩa nói chẳng nhất định, phải suy nghĩ mà y cứ. Lại tùy theo tăng số Phật: 1) Số Phật tức là Như Lai tạng Phật; 2) Số Phật: Một là tự tánh pháp thân, ứng hóa pháp thân. Hai là ứng thân, hóa thân; 3) Số Phật, tức là pháp thân, ứng thân, hóa thân. Pháp thân có ba: Là bốn hữu pháp thân, tu hậu chuyển y pháp thân và hóa dụng tùy duyên pháp thân. Ứng thân có ba tức là: 1/ Tu đắc ứng lý ứng thân, 2/ Tịnh độ ứng pháp lạc duyên ứng thân, 3/ Tùy duyên hóa dụng ứng thân. Hóa thân có ba tức là: 1/ Thân pháp thân thặng đức lưu hóa, 2/ Thân ứng thân khởi hóa dẫn vật, 3/ Thân ma ma hóa dẫn ha; 4) Số Phật tức là thân tự tánh v.v... bốn Phật đều lia bốn lỗi mà thành bốn đức tự tánh thân có ước đức thể. Thân tự tánh không có đức lia tướng, vừa có vừa không đức tùy duyên, chẳng phải có chẳng phải không đức lia lỗi. Các thân khác cũng y cứ theo đó. Nay đây Hoa Nghiêm có phẩm Bất tư nghị pháp, phẩm Tướng hải, phẩm Tiểu tướng, có người nói thuộc ba thân lượng e là không đúng. Kinh này không nói ba thân, chỉ có hai thứ mười thân như trước sau nói. Nay ba phẩm này, phẩm đầu là thể, Tướng hải là tướng, Tiểu tướng là dụng. Tướng nghĩa này y vào hiện văn có chín mươi ba tướng. Văn sau sẽ nói rộng. Có mười Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới Hải vi trần Số tướng v.v...

Nếu y cứ văn này, thì Ba thừa và Tiểu thừa không có việc này, chỉ có ở Nhất thừa. Phải biết giáo chia ra ba thừa, Tiểu thừa cho đến Nhất thừa đều khác nhau. Nếu chương nói thì rất khó hiểu. Các nghĩa khác như chương khác.

### **PHẨM TIỂU TƯỚNG QUANG MINH CÔNG ĐỨC, TIỂU TƯỚNG DỤNG**

Dụng của Tiểu tướng là đại ý văn nói Tiểu tướng Nhất thừa có dụng rất lớn, vì đức của Tiểu tướng Nhất thừa là một tức tất cả, xứng với pháp giới. Do nghĩa này mà Tiểu tướng công đức trong một thời gian liền khiến vô lượng chúng sinh từ ba đường ác thoát ra mà sinh lên cõi trời, cảm tiếng nói giữa hư không thọ ký cho, ở một thân này liền dứt tám mươi bốn ngàn phiền não, tự phần thắng tấn đều đầy đủ, gồm cả mình người đều chứng Mười địa Tam-muội Ly Cấu, chỉ trừ thọ thức một thời đã như thế thì các thời khác cũng vậy. Lúc đó thì Nhân-đà-la vi tế tự tại độ sinh cũng như đây mà có lợi lớn. Nếu Tiểu tướng ấy tướng hình biện thắng thì phải biết đại tướng chẳng thể nói chẳng thể nói. Ý văn phẩm này giữ nguyên đại dụng, chẳng muốn nói tiểu tướng riêng tốt, nên biết như thế. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **PHẨM PHỔ HIỀN HẠNH, NÓI VỀ PHỔ HIỀN**

Phổ Hiền có hai phần: Một là Tam thừa Phổ Hiền, hai là Nhất thừa Phổ Hiền. 1- Tam thừa Phổ Hiền có ba: 1/ Người, 2/ Giải, 3/ Hạnh. 1/ Người như kinh Pháp Hoa thì cõi voi hiện trước người tu, ấy là người; 2/ Giải như kinh Pháp Hoa nói bỏ ba về một, tức là thú hưởng Nhất thừa chánh giải (hiểu rõ chỉ có một thừa); 3/ Hạnh như kinh Pháp Hoa nói phẩm Phổ Hiền là nói hạnh của Phổ Hiền. 2- Nhất thừa Phổ Hiền, cũng có ba: 1/ Người tức là bốn mươi lăm tri thức Phổ Hiền; 2/ Giải tức là phẩm Phổ Hiền nói sáu mươi hạnh đều cùng khắp, lần lượt càng sâu, và các việc Nhân-đà-la vi tế; 3/ Hạnh tức mười tâm Phổ Hiền trong phẩm ly thế gian, mười hạnh nguyện Phổ Hiền như văn có thể biết. Nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Luận quên đúng sai (của Thiên sư Đàm Thiên):

Những việc đúng sai thì mình tốt mà người xấu, tất cả đều thế, cả đời phân vân không biết thế nào là đúng. Đây do chưa thấu suốt nạn đúng sai, nói nó là nạn vì có mười thứ không thể được: Một là thị phi không phải là chủ vô địch, hai là tự tánh bất định, ba là kia đây đều có, bốn là lại dùng sinh nhân, năm là đều không bằng nhau, sáu là ẩn hiển



có không, bầy là tánh tự trái nhau, tám là chấp theo tình riêng, chín là đúng sai sai khác nhau, mười là không đúng không sai.

1. Nói chủ vô địch: Đây nói ta phải, kia nói ta phải kia đây tranh nhau, bèn khiến phải trái không nhất định. Kia bảo đây quấy, đây bảo kia quấy, kia đây tranh nhau liền khiến quấy đúng không dính đến. Kẻ mê thì lấy phải về mình mà quấy về người khác. Đây có lý nào như thế, theo lý thì chẳng đúng, chỉ gương ép mà thôi. Đều là bại hoại, có ai biết thế.

2. Tự tánh bất định tánh, phải là phải đối với phải, hoặc phải đối với quấy, tánh quấy là quấy ở quấy, hoặc quấy đối với phải. Nhưng kẻ ngu chỉ ngoan cố một lời phải là phải, chẳng chịu phải quấy, cũng bảo quấy là quấy bất luận phải quấy. Tự bảo có lý mà chẳng sợ lỗi. Nói chung, nếu lấy phải là phải đối với phải thì liền có lỗi hai phải: Một là lỗi sở phải, hai là lỗi năng phải sở phải như phải phải đã là phải thì đâu cần dùng phải. Sở phải như quấy. Phải nên nói là quấy phải, vì sao nói là phải phải. Lỗi năng phải, đối với sở mà nói năng. Sở phải đã chẳng lập thì năng phải cũng chẳng thành năng sở đều chẳng thành thì chỗ nào mà có phải. Nếu lại quấy đối với quấy thì lỗi ấy cũng thế. Lệ phải mà ngộ chớ nên phân biệt, lý tận cùng ở đây, vì là chẳng thật có.

3. Ta người đều có, đây là phải mà kia quấy, đây quấy mà kia phải, đây và kia đều có một phải một quấy. Kẻ mê tự bảo có phải mà chẳng có quấy, bảo kia là quấy mà chẳng có phải. Đâu có lý nào mà phải như thế.

4. Lại cùng sinh nhân, quấy nhân mình phải mà tâm sinh, phải do người quấy mà tâm khởi. Vì từ mình phải tâm sinh, nên đây tức mình phải thì chẳng phải người quấy quấy. Phải từ người quấy tâm sinh nên đây bèn quấy, người còn phải thì chẳng phải ta phải. Song kẻ mê riêng muốn mình phải, mà nói quấy cho người, không có lý này nên không thật có.

5. Cùng bất tương cập (chẳng bằng nhau) phạm phải mình phải mà quấy người, là muốn nhìn quấy đến kia. Nhưng kia cũng tự bảo mình phải. Vì cũng tự bảo là phải liền nghiệm quấy chẳng đến kia. Quấy người phải mình là cũng mong phải đến đây. Nhưng cũng là quấy ở kia, quấy kia nên liền nói phải chẳng đến đây mà nói mình phải, quấy chẳng đến kia lại bảo người khác quấy, lý cùng ở đây nên chẳng đúng.

6. Ẩn hiển có không. Tình vật mê lầm đều đồng với mình phải, mọi người đều quấy. Mọi người đều quấy cho nên cả đời không phải. Ta sẽ nói vì sao riêng có phải, đồng với mình phải thì cả thiên hạ không



quấy. Vì không quấy vì sao ta quấy? Nhưng kẻ mê bảo có phải có thể phải, có quấy có thể quấy, nghĩa chẳng như thế, nên chẳng thật có.

7. Tánh tự trái nhau. Phải thì tánh tự trái quấy quấy, thì tánh nó hại phải, vì ta riêng muốn lập phải định quấy. Phải đã lập rồi thì nhiều quấy chẳng phải một phải, phải nhiều thì chẳng phải quấy. Một phải làm sao có thể phải vì phải chẳng thể phải, thì quấy làm sao được quấy. Vì không chỗ quấy thì quấy tự quấy, tự quấy thì không quấy chẳng phải thì không phải. Kẻ mê muốn lấy phải định quấy, dùng quấy chẳng phải phải, chưa đúng thế.

8. Chấp tình riêng: tình riêng đều chẳng thấy chỗ của người, chỉ thấy cái mình biết. Vì biết cái mình biết do đó cho là phải, chẳng thấy cái người thấy, nên bảo người chỉ là quấy. Nếu thấy được chỗ người thấy mà bảo là quấy hoặc cho như thế, đã chẳng thấy chỗ người thấy mà nói người quấy, thì sao người là quấy? Nếu lại tự biết chỗ mình biết mà cho mình phải, thì đó là cái phải riêng, nếu khiến người khác cũng bảo là phải thì đây là lỗi, không có việc ấy.

9. Đúng sai khác nhau: Thế tục cho phải là phải, cho quấy là quấy. Đây là thô miển cho phải là quấy, lấy quấy làm phải, là lỗi điên đảo. Nhưng vật ngoại đến chỗ cao chấp đúng sai là quấy, không dùng đúng sai là phải. Đây cũng khởi một lỗi ở đúng sai. Cũng tự còn ở một phải, một quấy. Phải quấy tuy đồng nhưng lý thú có khác. Kẻ mê nghe phải thì bảo phạm Thánh đều phải, nghe quấy thì liền bảo hiền ngu đều quấy. Thật lý đến đây chưa đủ như thế.

10. Không đúng không sai. Nếu lấy đúng sai làm quấy còn không đúng sai là phải, thì đó là ghét đúng sai hoặc chẳng trách khởi bị lụy vì đúng sai. Mà muốn ghét thì lại bị lụy, nhưng trên đó đã giữ tâm cũng chưa khởi bị lụy. Muốn chẳng lụy thì chớ vô tâm. Vì vô tâm thì còn cái gì là đúng sai, đúng sai đã mất rồi. Mình người theo đó mà mất. Mình người đều mất thì đắc thất (được mất) cũng không. Chẳng thế mà thế, chẳng được mà được. Như thế mà mặc tình đến với vô vi, tiêu dao ngoài lụy. Đây lại thuận tánh mà khởi, cho nên chép kèm theo đây.

*Nói về Niết-bàn:*

Niết-bàn có ba thứ: Một là Niết-bàn Tiểu thừa, tức là hữu dư và vô dư. Hữu dư là hữu dư thân trí, vô dư vô dư thân trí. Đồng số diệt vô vi làm thế; Hai là Niết-bàn Ba thừa, có năm thứ: Một là Niết-bàn Vô trụ xứ, hai là Niết-bàn Tự tánh, ba là Niết-bàn Phương tiện tịnh, bốn là Niết-bàn Hữu dư, năm là Niết-bàn Vô dư. Vô trụ xứ là trí bi dẫn nhau không có chấp mắc, nghĩa này chung cho cả nhân, quả. Tánh tịnh, là

vốn có, là vắng lặng. Phương tiện tịnh là nhờ duyên mà tu, Niết-bàn đồng giải thích như trước. Hữu dư là hữu dư ứng hóa chưa cùng tận. Vô dư là pháp thân vô dư thuận vắng lặng; Ba là Niết-bàn Nhất thừa. Như nghĩa đã có trước. Nếu nói theo Biệt giáo thì có mười thứ Niết-bàn như phẩm Ly Thế Gian nói. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

*Phước phần thấy nghe cúng dường:*

Phước phần, đại khái có hai: Một là phước phần hiện tại là y cứ theo các dụng hiện tại đã nguy mà được vui, v.v... các dụng; Hai là y cứ theo vị lai thành diệt tội mà được quả trời, người thế gian và xuất thế gian. Như trong giáo tướng nói các thứ công đức: phước đèn, tụng chú, kết đàn, ấn tượng, v.v... ý thành dụng hiện tại chẳng phải không có ích cho đời sau. Như kiến lập hạnh đàn, v.v... và thấy nghe Nhất thừa v.v... thành ích lợi cho đời sau, chẳng phải dụng hiện tại. Nếu theo trời người và Tiểu thừa, Ba thừa và Nhất thừa thì chỉ do hồi hướng chẳng đồng mà phước phần có khác. Cứ theo phước thể thì không hai không khác, thường xứng với bản tánh không có khác nhau. Nếu trời người tức tà chánh khác nhau. Nếu Thanh văn thì chỉ thành trợ mãn. Nếu Sơ giáo thì thể nó là không, nếu Chung giáo thì thể nó là như. Nếu các nghĩa như trước được Nhất thừa y cứ thì liền thuộc về Nhất thừa. Nếu nói theo Biệt giáo thì kiến văn trở đi tức là Nhất thừa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **HỘI THỨ BẢY, PHẨM LY THẾ GIAN NÓI VỀ TRÍ**

Trí, có ba thứ là Tiểu thừa, Ba thừa, và Nhất thừa.

Trí: Chiếu soi gọi là Trí, xét đạt gọi là Tuệ. Tiểu thừa có mười trí tức là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, pháp trí, tử trí, đẳng trí, tha tâm trí, tận trí, vô sinh trí. Biết khổ gọi là khổ trí, cho đến biết đạo là đạo trí, biết pháp cõi dục gọi là pháp trí, biết pháp Sắc, Vô sắc gọi là tử trí. Biết tất cả pháp gọi là đẳng trí, tức là trí hữu lậu. Biết tâm tâm pháp người khác gọi là trí tha tâm, biết phiền não hết gọi là tận trí, biết phiền não chẳng sinh gọi là trí vô sinh và lưu loại có mười sáu tâm, tức là khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, khổ tử nhãn, khổ tử trí, tập pháp nhãn, tập pháp trí, tập tử nhãn, tập tử trí, diệt pháp nhãn, diệt pháp trí, diệt tử nhãn, diệt tử trí, đạo pháp nhãn, đạo pháp trí, đạo tử nhãn, đạo tử trí. Tám nhãn là vô ngại, tám trí là giải thoát. Trí gọi là quyết định, nhãn và nghi được câu sinh, chẳng quyết định nên chẳng được gọi là trí, nên cùng tên là Tâm. Có mười sáu hành tướng tức là vô thường, khổ, không, vô ngã, hạnh, nhân tập hạnh hữu duyên, cũng gọi là nhân tướng, tập tướng, sinh

tướng, duyên tướng. Diệt chỉ cho hạnh diệu xuất, cũng gọi là diệt tướng, tịnh tướng, diệu tướng, ly tướng. Đạo như tịch thừa hạnh cũng gọi là đạo tướng, như tướng, hạnh tướng, xuất tướng, là chỗ nương của hạnh nên gọi là Hạnh, cũng thành nghiệp nên gọi là Hạnh. Lại có bốn mươi bốn trí, tức khổ già, chết, tập, già chết, diệt, già chết đạo, già chết cho đến hành cũng như thế. Già chết có bốn trí làm tánh, tức là pháp trí, khổ trí, đẳng trí, cho đến già chết diệt đạo cũng dùng bốn trí làm tánh. Như thế, bốn trí già chết đều dùng bốn trí làm tánh. Cho đến hành bốn trí cũng đều dùng bốn trí làm tánh. Vì vô minh không đủ nên chẳng lập. Chỉ có bốn mươi bốn. Lại có bảy mươi bảy trí, tức là: 1/ Biết sinh là duyên già chết, 2/ Không phải chẳng duyên hữu già chết, 3/ Đời quá khứ từng là duyên già chết, 4/ Chẳng phải chẳng từng duyên quá khứ sinh hữu già chết, 5/ Vị lai duyên phải là duyên già chết, 6/ Chẳng phải không duyên với sinh hữu già chết vị lai, 7/ Pháp trụ trí: Pháp này là vô thường, là hữu vi, từ nhân duyên mà sinh là pháp tận, là pháp diệt, là pháp vô dục, như già chết có bảy, cho đến hành cũng có bảy. Lại ở trong già chết, sáu trí trước lấy bốn trí làm tánh, tức là pháp trí, tử trí, tập trí và đẳng trí. Pháp trụ trí thứ bảy dùng đẳng trí làm tánh. Hỏi: Vì sao chẳng nói vô minh duyên trí? Đáp: Xét mười hai chi, vô minh về trước, không có chi đối nên không nói. Lại giải thích Luận Thành Thật ở Địa văn tư mà làm bốn mươi trí quán, bảy mươi bảy trí quán, không có cùng quán phục diệt vô minh. Bốn mươi bốn trí là chánh duyên già chết gồm biết vô tánh gọi là trí già chết, tức là thẩm cảnh quán; Hai là già chết tập sinh chi, làm duyên tăng thượng tập khởi già chết chánh duyên ở tập, gồm biết vô tánh gọi là già chết tập trí, gọi là suy nhân quán; Ba là già chết diệt, chánh duyên già chết diệt gồm biết vô tánh gọi là già chết diệt trí. Đó gọi là thẩm diệt quán; Bốn là già chết diệt đạo, chánh duyên diệt giải, gồm biết vô tánh gọi là trí diệt đạo, gọi là thẩm hạnh quán, như già chết có bốn, cho đến hành cũng có bốn. Vô minh không có nhân nên chẳng nói. Bảy mươi bảy trí: Một là vô minh duyên hành, đây là suy nhân quán; hai là chẳng lìa vô minh hành, đây là thẩm nhân quán, ba đời đều có hai, hợp thành sáu, đây duyên có tâm nên gọi pháp trụ trí. Vô minh diệt thứ bảy tức tánh diệt gọi là trí Nê-hoàn. Bảy trí như thế cho đến sinh chi, liền thành bảy mươi bảy. Sau già chết không có chi nên chẳng nói. Nay nghĩa Đại thừa trong môn Sơ giáo hơi khác Thành Thật, trong Luận Tập Tập nói tập nhiễm trôi lăn, tức là bảy mươi bảy trí ấy. Nói trí an lập tức là ba mươi bốn trí quán. Sơ giáo và hai quán thuận nghịch này tức Thành Thật không có, cũng có thể thuận quán vào trí quán Nê-hoàn

thứ bảy ở trước, nghĩa nhiếp trừ khác nhau. Lại có ba trí, tức là văn - tư - tu; Hai là trong ba thừa có hai: một là Sơ giáo có mười một trí, tức là khổ trí, v.v... mười trí trên lại thêm trí như thật. Lại có mười ba trí: một là trí tín giải, hai là trí đạo lý, ba là trí bất tán, bốn là trí nội chứng, năm là trí tha tánh, sáu là hạ trí, bảy là thượng trí, tám là yếm trí, chín là trí bất khởi, mười là trí vô sinh, mười một là trí trí, mười hai trí cứu cánh, mười ba trí đại nghĩa. Lại có mười ba trí là: 1/ Trí văn sở sinh (trí do nghe mà sinh), 2/ Trí tư sở sinh, 3/ Trí thế gian tu sở sinh, 4/ Trí thắng nghĩa, 5/ Trí tha tâm, 6/ Trí pháp, 7/ Trí chủng loại, 8/ Trí khổ, 9/ Trí tập, 10/ Trí diệt, 11/ Trí đạo, 12/ Trí vô sinh, 13/ Trí Đại thừa. Các trí nói trên là trí Sơ giáo hồi tâm, hai thực giáo lại có ba trí: một là trí gia hạnh, hai là trí hậu đắc, ba là trí chánh thể. Lại có ba trí: một là trí thật tướng Bát-nhã, hai là trí quán chiếu Bát-nhã, ba là trí văn tự Bát-nhã. Lại có ba trí là trí văn - tư - tu tuệ. Lại có năm trí là: Trí Văn, tư, tu, chứng báo sinh thiện, ý thức. Lại có một trí là trí chân như. Từ trên nói là trí Đại thừa. Hai môn trí Đại Tiểu tên là Nhất thừa y cứ nên thuộc Nhất thừa. Nếu y theo Biệt giáo thì có mười trí như phẩm Ly Thế Gian nói. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

**Pháp bất cộng:**

Pháp bất cộng tức là ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi vẻ đẹp, bốn Nhất thiết chủng thanh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, ba bất hộ, đại bi, bất vong pháp đoạn trừ các tập khí Nhất thiết chủng trí diệu trí. Trong một trăm bốn mươi pháp bất cộng này có bốn Nhất thiết chủng thanh tịnh, v.v... hai mươi tám pháp bất cộng khi quyết định đầy đủ thì được các bất cộng này, chẳng có nhân cộng, chỉ là Tiểu thừa. Lại có mười tám bất cộng, tức là: 1/ Thân không lỗi, 2/ Khẩu không lỗi, 3/ Niệm không lỗi, 4/ Không có tướng lạ, 5/ Không có tâm bất định, 6/ Không có điều chẳng biết, 7/ Dục không giảm, 8/ Tinh tấn không giảm, 9/ Niệm không giảm, 10/ Tuệ không giảm, 11/ Giải thoát không giảm, 12/ Giải thoát tri kiến không giảm, 13/ Tất cả thân nghiệp theo trí tuệ mà làm, 14/ Tất cả khẩu nghiệp theo trí tuệ mà làm, 15/ Tất cả ý nghiệp theo trí tuệ mà làm, 16/ Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại, 17/ Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại, 18/ Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại, 18/ Pháp bất cộng này chẳng chung với Nhị thừa nên gọi là Bất cộng. Y như tạp tâm dùng mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ làm mười tám Bất cộng. Phải biết là Bất cộng Tiểu thừa, vì Tiểu thừa lãng kế. Đây là Ba thừa bất cộng. Lại có mười thứ bất cộng tức là Nhất thừa, như phẩm Ly Thế Gian nói. Sở dĩ nói mười là muốn nói lên vô lượng. Nghĩa khác

có nói rõ trong chương khác.

Sáu niệm: sáu niệm là: 1/ Niệm Phật, 2/ Niệm pháp, 3/ Niệm tăng, 4/ Niệm giới, 5/ Niệm thí, 6/ Niệm trời. Giáo này nêu ý là vì người mới phát tâm, tâm tin bền chắc. Lại có tám niệm là: 1/ Niệm Phật, 2/ Niệm pháp, 3/ Niệm tăng, 4/ Niệm giới, 5/ Niệm trời, 6/ Niệm thiên, 7/ Niệm thở hơi ra vào, 8/ Niệm chết. Tám thứ này vì người tu mà nói. Lại có mười niệm: Một đối với tất cả chúng sinh thường sinh tâm từ là đối với tất cả chúng sinh chẳng phá hủy hạnh, nếu chẳng hủy hạnh thì sẽ được vãng sinh; Hai là đối với tất cả chúng sinh thường khởi tâm bi, trừ bỏ tâm tàn hại; Ba là phát tâm hộ pháp, chẳng tiếc thân mạng, đối với tất cả pháp chẳng chê bai; Bốn là ở đối với nhãn nhục sinh tâm quyết định; Năm là thân tâm thanh tịnh chẳng đắm lợi dưỡng; Sáu là phát tâm trí Nhất thiết chủng, hằng ngày thường nghĩ nhớ, (niệm) không hề bỏ quên; Bảy là đối với tất cả chúng sinh thường khởi tâm tôn trọng, dứt bỏ tâm ngã mạn nói lời khiêm nhường; Tám là ở lời nói không sinh tâm đấm trước; Chín là gần với giác ý, khởi sâu các thứ nhân duyên gốc lành, lìa tâm ồn ào tán loạn; Mười là chánh niệm quán Phật, dứt bỏ các tướng. Phải nghĩ thế nào, tức chẳng nghĩ phàm phu, chẳng nghĩ bất thiện, chẳng nghĩ tạp kết sử, liền được vãng sinh về cõi nước An Lạc. Ý nêu giáo này là vì người tu hành vãng sinh. Lại có mười một niệm: 1/ Tâm tịnh, 2/ Tâm bất động, 3/ Tâm yếm, 4/ Tâm ly dục, 5/ Tâm bất thối, 6/ Tâm kiên, 7/ Tâm minh tịnh, 8/ Tâm thuần hậu, 9/ Tâm quyết, 10/ Tâm đại. Rộng nói như Luận Thập Địa hai niệm trước là ở Tiểu thừa thông Sơ giáo, một niệm kế là ở Sơ giáo thông Chung giáo, một niệm sau là ở Nhất thừa chung ba thừa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Chín định thứ đệ: Chín định thứ đệ tức là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, định Diệt tận. Từ tâm Sơ thiền khởi kế vào Nhị thiền, chẳng khiến tâm khác được vào, hoặc thiện hoặc cấu, như thế cho đến tâm diệt thọ tưởng. Ra vào định chẳng vượt thứ lớp, nên gọi là định Thứ đệ. Nghĩa này là Ba thừa, cũng chung Tiểu thừa. Nếu Nhất thừa giáo y cứ thì thuộc về Nhất thừa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Tám người: Tám người là tám nhãn trong kiến đạo, khác với trí có sức nên được gọi là người. Tám người này chung với Nhất thừa, ba thừa và Tiểu thừa. Tám người Tiểu thừa cạn, người không chưa cùng. Tám người Sơ giáo sâu hơn, nhưng lý pháp vô ngã chưa hết, còn Thực giáo thì đức pháp vô ngã chưa rốt ráo. Còn pháp giới Nhất thừa mới

sáng tỏ. Nay kinh ở dưới nói pháp minh liễu, là Biệt giáo Nhất thừa và nghĩa đồng với giáo đều đầy đủ để giải hành đức ở trước, nên gọi là pháp minh liễu, phải nên biết rõ. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Hai hạnh Kiến pháp: là Kiến hạnh và pháp hạnh, là Tiểu thừa trước vào đạo phương tiện thứ hưởng hai thứ người lợi độn. Do đó là tướng phương tiện đầu vào Thánh. Nay riêng nêu ra đây hai thứ hành tướng này là y cứ theo tám người trước.

Bích-chi-phật. Bích-chi có hai thứ: Một là Tê giác, hai là bạng hạnh. Biết thường lạc vắng lặng, duyên ngoài biết đủ ít việc, chẳng do người khác mà ngộ, minh liễu pháp giải Duyên giác thì nghĩa từ Thanh văn thừa, dần dần chuyển tế mà đến Nhất thừa nên gọi là Duyên giác. Nghĩa này y cứ theo tám người trước. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Bồ-tát. Bồ-tát chung cả năm thừa, trừ người phạm phu cũng gọi là Bồ-tát. Vì sao? Do thành tử hạnh là Bồ-tát giả danh. Tức là năm thừa tiền nội phạm phu, Thanh văn thừa cũng có Bồ-tát. Thiện Hữu lậu năm ấm làm thể, do từ bi hạnh thành mà thành Phật. Ba là Bồ-tát Sơ giáo lấy năm phần pháp thân vô lậu làm thể, kiến tu rốt ráo mà thành Phật. Người trực tiến cũng được năm phần pháp thân làm thể, mà trực tiến và hồi tâm, hai thể Bồ-tát ấy tức không. Thực giáo Bồ-tát thì lấy trí vô phân biệt làm thể, cũng lấy chân như làm thể. Nếu y theo Đốn giáo thì tất cả chẳng thể nói, kế đồng một lý quán. Nếu là Nhất thừa y cứ thì thuộc Nhất thừa. Nếu y cứ vào Biệt giáo tức Bồ-tát Phổ Hiền thì lại thành mười thứ thân, như hạnh thứ chín trong mười hạnh đã nói. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Năm sinh: Năm sinh: Một là tức khổ sinh, hai là tùy loại sinh, ba là thắng sinh, bốn là tăng thượng sinh, năm là tối hậu sinh, đó là năm sinh, đều là chỗ Bồ-tát làm. Nghĩa này là ba thừa. Nếu y cứ theo kinh Hoa Nghiêm thì Bồ-tát trụ ở trời Đâu-suất cho đến hạ sinh làm Phật đều có mười ý thọ sinh. Nếu y theo mười ý thọ thân năm sinh là Nhất thừa. Nghĩa này như phẩm Ly Thế Gian nói, các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **HỘI THỨ TÁM, PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI, TRƯỚC NÓI VỀ HỒI TÂM:**

Nghĩa hồi tâm, có hai: Một là y cứ theo chưa vào Phật pháp để nói hồi tâm, hai là y cứ đã vào Phật pháp vô ưu chi tế, giải thoát phần



thiện để nói về hồi tâm. 1/ Y cứ người chưa vào: tức là một vị xiển-đề giống như người tu hành này đủ nghĩa nhân - pháp. Văn giải hạnh bệnh cho đến lý sự là từ nhiều kiếp tu nhân tà thiện. Sau thì rốt ráo có vô tận các quả địa ngục A-tỳ Như Lai vì đại bi mà giả lập pháp riêng cứu, chỗ có ủy khúc đã nói đủ trong các kinh. Nay lược mà hỏi cốt yếu: Khấp làm kính nhận pháp ác gặp xiển-đề kia khiến vào Nhất thừa, pháp ấy đủ như trong hỏi đáp đã nói, cuối cùng được sinh Tịnh độ, được làm bất thối, thường được thấy Phật, tức hồi hướng Nhất thừa; 2/ Y cứ đã vào Phật pháp vô lưu tế giải thoát phần thiện, Như Lai khéo léo giả lập hai môn: 1- Ước Thủ môn, nghĩa là y theo dụ cùng tử của kinh Pháp Hoa, nghĩa phải là ngu pháp Thanh văn, phát quá khứ nhiều kiếp đến nay từ vị xiển-đề mà vào Thanh văn thừa, y cứ theo giáo phần này tức là trước khi ở vị xiển-đề chưa tu phần thiện Bồ-đề, chỗ có giải hạnh, văn nói là cay đắng cùng cực. Thân cùng tử là con của Trưởng giả giàu có, có nghĩa là khi Như Lai pháp tánh thật tướng, chẳng nhiễm mà nhiễm, cho đến Phật tánh tùy chỗ lưu các vị là vị ấy. Do chẳng nhiễm mà nhiễm, do đó chẳng nói tên quý. Sau nếu hồi tâm thì nghĩa khế hợp với pháp tánh, lý ấy tức hợp với nhiễm mà chẳng nhiễm nên gọi là vương chủng, y theo đạo lý này dùng ví dụ cùng tử để nói theo ngu pháp của Thanh văn vị, nghĩa chung cho vị xiển-đề. Hỏi: Hồi tâm Thanh văn tất cả đều hồi chẳng? Đáp: Nếu y cứ Thanh văn từ vị bất thối trở đi thì chẳng hồi. Nếu y cứ Sơ giáo thì kể hồi, hồi mà chẳng hồi thì chẳng hồi. Nếu y cứ theo Chung giáo thì tất cả đều hồi, nếu y cứ Đốn giáo thì không hồi nào chẳng hồi. Nếu y cứ Biệt giáo thì như trước đã nói. Tất cả đều hồi, như kinh Lăng-già chép:

*Vị trước Tam-muội lạc  
(đắm mê vui tam-muội)  
An trụ cõi vô lậu  
Không có đường rút ráo  
Cũng lại về bất thối  
Được các thân Tam-muội  
Đến trụ kiếp chẳng biết.*

Thí như người say rượu, hết say sẽ biết. Đó giáo pháp cũng thế. Được thân Phật vô lượng, hai là y cứ nghĩa chung mà biện hồi tâm. Như văn kinh ở dưới nói Đại trí Xá-lợi-phất cùng năm trăm vị Tỳ-kheo hồi tâm hướng về ngài Văn-thù-sư-lợi đều nói gốc lành đời trước hiện sáu ngàn vị Tỳ-kheo hiển bày cùng tu hành lâu thành thật quyến thuộc. Xá-lợi-phất sống lâu trong Phật pháp, nghĩa ở vị thông minh nay nêu là



hồi thì nói lên hạnh của Ngài trọn đủ tướng trí tuệ. Nay lại hồi tâm thì khi đang hồi liền được mười thứ đại pháp và mười nhân, mười nhĩ, v.v... đầy đủ trong văn kinh Nhập Pháp Giới. Phải biết nghĩa ấy là Chung chẳng phải Thỉ. Vị đó ở Đốn ngộ Thực giáo chung với Sơ giáo. Nêu hai vị Thỉ chung này làm pháp thức giữa các nghĩa. Y cứ theo đây có thể biết. Lại, pháp hồi tâm là đối với năm thừa kia cũng có Thỉ chung khác nhau. Như một người cùng tử mà Trưởng giả sai khiến phương tiện cho trực, nghĩa ấy từ Nhân thiên và đại chúng bộ trở đi cho đến Sơ giáo. Như Xá-lợi-phất hồi tâm các vị là nghĩa ở Sơ giáo trở đi, cho đến Đốn giáo và Chung giáo trở xuống, nhưng vẫn hồi tâm phạm vi nhiều thứ khác nhau. Hoặc có người từ Xiển-đề và Thanh văn, từ Thanh văn hồi hướng Duyên giác và Sơ giáo. Hoặc có Thanh văn hồi hướng Trực tiến và Chung giáo. Hoặc có người hồi tâm hướng về Đốn giáo và Nhất thừa. Năm thừa như thế cơ tánh trên dưới khác nhau, hồi tâm cũng khác. Nghĩa như thế y cứ có thể hiểu nhiều thứ giáo phần về giải hạnh, sự lý, nhân pháp, giáo nghĩa, v.v... khác nhau mà dẫn dắt tiền cơ. Như thế các nghĩa y cứ theo thì biết rõ.

Hỏi: Kinh ở dưới nói hồi tâm Đại trí Xá-lợi-phất, v.v... Phật ra đời ở tại một nước, khác lúc khác chỗ mới cùng Mục-liên vào Phật pháp, vì sao kinh Hoa Nghiêm bảy ngày hồi thứ hai Phật chưa đời đi đã có năm trăm vị Thanh văn như Đại trí Xá-lợi-phất, v.v... cùng sáu ngàn đệ tử của Xá-lợi-phất ở trong vườn Kỳ-hoàn, pháp đường Phổ quang đều chưa xây dựng, do đâu mà nói đủ ở văn kinh.

Đáp: Như Lai y đức giải thoát kiến lập Nhất thừa, kinh ở dưới lại nói ở trong một hạt bụi mà kiến lập chư Phật ba đời xoay bánh xe pháp phải biết nay chỗ thành Nhất thừa giáo tức là việc ấy. Y chín đời vào trí dung pháp chín đời, đời quá khứ, hiện tại, đời quá khứ vị lai, đời hiện tại quá khứ, đời hiện tại hiện tại, đời hiện tại vị lai, đời vị lai quá khứ, đời vị lai hiện tại, đời vị lai vị lai. Ba đời tức nhau và nhập vào nhau mà thành mười đời. Phải ở bảy ngày thứ hai, như thế các pháp đều hiện tiền. Nói rộng như trong Phẩm Ly Thế Gian. Nếu muốn biết giáonghĩa vô tận của kinh Hoa Nghiêm thì phải y vào trí sáu tướng nhân Đà-la-ni vi tế, và Đà-la-ni tự tại pháp trí mà biết. Các nghĩa khác có nói rộng trong chương khác.

***Hiền Thánh thiện tri thức:***

Hiền Thánh, thuận theo lý gọi là Hiền, được lý gọi là Thánh. Đối với vật biết trước cũng là các tình mà biết nên gọi là Tri thức. Nghĩa Hiền Thánh giáo có ba vị: Một là hai mươi bảy Hiền Thánh, tức Tỳ-ni

hạnh; hai là Tùy pháp hạnh; ba là Vô tướng hạnh; bốn là Tu-đà-hoàn; năm là hạnh Tư-đà-hàm; sáu là Tư-đà-hàm; bảy là hạnh A-na-hàm; tám là trung ấm diệt Na-hàm; chín là sinh diệt Na-hàm; mười là bất hạnh diệt; mười một là hạnh diệt; mười hai là lạc tuệ thượng hạnh; mười ba là lạc định thượng hạnh; mười bốn là chuyển thế; mười lăm là hiện diệt; mười sáu là tín giải thoát; mười bảy là kiến đắc; mười tám là thân chứng; mười chín là thối tướng La-hán; hai mươi thủ tướng; hai mươi mốt là tử tướng; hai mươi hai là khả tiến tướng; hai mươi ba là trụ tướng; hai mươi bốn là bất hoại tướng; hai mươi lăm là tỳ giải thoát tướng; hai mươi sáu là câu giải thoát tướng; hai mươi bảy là bất thối tướng. Một có mười tám người, hai có chín người, là người Vô học. Ở trong người học thì ba người đều là hạnh Tu-đà-hoàn, kể một người là quả Tu-đà-hoàn. Kể một người là hạnh Tư-đà-hàm, kể một người là quả Tư-đà-hàm. Kể một người là hạnh A-na-hàm, kể một người là quả A-na-hàm. Mười một người này cũng là hạnh A-la-hán. Đây là Tiểu thừa cũng đồng ở Sơ giáo. 2- Kể có bốn mươi hai Hiền Thánh tức là Mười giải, Mười hạnh, Mười hồi hương, Mười địa và Đăng giác, Diệu giác. Bốn mươi mốt là nhân, môt là quả. Nghĩa này ở Ba thừa, cục ở trực tiến và Chung giáo. Hai vị trên Hiền Thánh tri thức nếu là Nhất thừa giáo y cứ thì thuộc về Nhất thừa. Ba là y theo Biệt giáo, có bốn mươi lăm tri thức, đại vị có ba: một là vị vị và lý hạnh, có bốn mươi lăm tri thức. Rộng như phẩm Nhập Pháp Giới nói; hai là chủ bạn giúp nhau có một trăm mười ba. Cứ theo khởi hóa giới hạn thực hành cảnh giới thì có Tam thiên Đại thiên thế giới vi trần số tri thức.

Hỏi: Như kinh Đại Phẩm nói Tát-đà-ba-luân cầu thiện tri thức, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là tri thức nào?

Đáp: Đàm-vô-kiệt nghĩa ở Thực giáo tín vị Chung tâm trực tiến giáo mười hồi hương. Hai là giáo Bát-nhã thành tựu tín rốt ráo bất thối xứ, làm khuôn phép cho chúng sinh, nghĩa là ba thừa không phải là Nhất thừa, ở trong ba thừa tại mười tín chung tâm giải hạnh vị tiền, Tri thức có mười nghĩa như phẩm Ly thế gian nói. Nói mười tri thức, sở dĩ nói mười vì muốn nói lên vô lượng, do đó đem mười thứ làm nghĩa tri thức đáp là giáo hưng tri thức ở chỗ nhiếp hóa chúng sinh. Các nghĩa có nói rõ trong chương khác.

Bốn thân cận: nghĩa Thân cận cũng chung cho Ba thừa, Tiểu thừa và Nhất thừa. Tiểu thừa, thân cận tri thức tự cầu giải thoát, ba thừa vì cứu chúng sinh. Vì chúng sinh nên dùng Bồ-đề để hiển bày pháp tánh. Sơ giáo tức Không, chung giáo tức Như, Nhất thừa Biệt giáo, tức có

mười nghĩa, thành bốn thân cận: một là phải biết tri thức; hai là phải biết chỗ nói; ba là phải biết việc ma; bốn là tự giới thành tự; năm là phải có tinh tấn; sáu là phải kính thiện tri thức; bảy là phải khởi tâm cầu pháp; tám là tâm hướng về chánh pháp; chín là thành tựu tâm sâu xa; mười là được pháp minh liễu. Mười môn này mỗi môn đều đủ mười môn như phẩm Ly Thế Gian nói. Sở dĩ đều nói mười môn là vì ứng với pháp vô tận Nhất thừa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

***Giải thích ý trong văn bốn mươi lăm tri thức:***

Ở trong văn bốn mươi lăm tri thức, một tri thức đầu y theo Nhất thừa Biệt giáo làm người hồi tâm nói mười đại tâm và vì Thiện Tài phân biệt nói rộng mười chánh pháp của chư Phật thành nghĩa tín hạnh. Nói rộng như văn, từ sau giải mười pháp trong văn này. 1- Thiện tri thức là y cứ Nhất thừa Biệt giáo nói nghĩa thấy Phật; 2- Thiện tri thức là y cứ Nhất thừa Biệt giáo quán sát biển lớn được chánh duyên khởi, Phật trên hoa sen nói nghĩa Viên giáo; 3- Thiện tri thức là y cứ Biệt giáo Nhất thừa nói nghĩa như ý thần thông; 4- Thiện tri thức y cứ Nhất thừa Biệt giáo từ trong miệng phát ra mây ánh sáng rực rỡ, là nghĩa nhiếp tập tự tại; 5- Tri thức y cứ Nhất thừa Biệt giáo, nhiếp nhập tất cả cõi Phật vô lượng diễn Đà-la-ni rộng lớn làm lợi ích; 6- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, vào định diệt tận rộng làm lợi ích; 7- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, trang nghiêm khắp vườn rừng, hiện thân khắp để làm lợi ích; 8- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, thượng vị hạ gia (trên vị dưới thêm) cầm tay hiện việc mà làm lợi ích; 9- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, thành pháp phân đạo, lên núi đao, nhảy xuống hầm lửa mà thành nghĩa lợi ích; 10- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, hiện ra pháp đường và hiện thân tướng mà thành nghĩa lợi ích, được pháp Đà-la-ni, v.v... trăm muôn a-tăng-kỳ môn Đà-la-ni để làm quyến thuộc mà thành tướng giải thoát rốt ráo.

***Sau đây là tướng mười hạnh:*** 1- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở trong thành đô, xóm làng, thôn ấp, chợ búa, v.v... Biệt giáo ở khắp nơi để thành hạnh ấy hiện thân tướng Biệt giáo oai nghi tiết phần, để hội năng lực hạnh nguyện Bồ-tát Phổ Hiền mà thành hạnh lợi ích Đà-la-ni vô tận, tức do tánh Xả tạo thành. 2- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, thành hạnh ba nhóm giới văn phương tiện lợi ích, tức tánh giới tạo thành. 3- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, y bốn vô lượng phương tiện môn hiện ra sắc thân, lấy sự ăn uống dất dẫn mà thành nhân quả khế lý lợi ích, tức tánh nhẫn tạo thành. 4- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, tinh tấn tăng thượng hiển bày thẳng đường quyến thuộc khác nhau

thành thí hạnh đại trang nghiêm tự tại, thành việc lợi ích, tức tánh tinh tấn tạo thành. 5- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, khéo léo hội ngộ, hiện ra nhà có mười lớp tám cửa kế hội dẫn đạo mà thành lợi ích, là nội dụng của định, y cứ tánh định tạo thành. 6- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, chân thật thắng trí y pháp Phổ môn bày thuốc trị bệnh để làm sáng trí dụng diệt, hoặc sinh đức, lại làm phương tiện hợp hương để kế hợp mình người mà thành lợi ích, tức tánh tuệ tạo thành. 7- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, khéo léo tự tại bày pháp Nghịch hạnh, thành đức tiến lui, thù thắng phương tiện để kế hợp lợi ích, tức do tánh dụng phương tiện Ba-la-mật tạo thành. 8- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, hạnh nguyện ba đời mà thành bốn chánh nghiệp sinh lợi ích, tức tánh nguyện Ba-la-mật tạo thành. 9- Tri thức y cứ Nhất thừa Biệt giáo, hiện trong nhà và cha mẹ ủng hộ, thành thắng quyền thuộc vô ngại gốc lành, được lợi ích cao quý, tức Ba-la-mật Tánh Lực tạo thành. 10- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa trí hiển pháp phản đạo thành nghĩa lợi ích, tức Ba-la-mật Tánh Trí tạo thành.

**Sau đây là mười hồi hương phương tiện đức:** 1- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa lợi ích chúng sinh thiện tri thức hương tác dụng giới hạn để hiển đầu cơ tổn ích thắng năng khéo léo vì lìa trước mà thành nghĩa lợi ích. 2- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa ở phần lợi sinh hiện sự độ sinh, thuyền ghe cứu giúp đồng thời chuyển thành nghĩa lợi tha. 3- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa biến khắp tất cả chỗ để lợi ích nhiếp sinh mà thành nghĩa Nan thắng. 4- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa từ bi thanh tịnh nguyện kiến lập pháp thiện căn vô tận, cùng khắp tất cả, đồng tất cả Phật mà thành nghĩa lợi ích. 5- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, điều nhu khéo léo thành môn nghịch hạnh, hiện ra Y chánh, lợi ích nhiếp vật. 6- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa thực hành phương tiện nhiếp sinh, trước sau bền chắc khó hoại lợi ích. 7- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa khéo léo ứng cơ thành việc lợi tha. 8- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa xứng hợp với tác dụng (làm), tùy biết hiện tiền nhanh chóng lợi ích. 9- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa thành bốn vô lượng để kế hợp phổ pháp nhiếp hóa chúng sinh đoạn ác thành thiện. 10- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa thành Phật phương tiện, nhân vị chứng quả, hiện trước chúng sinh là nghĩa thành Phật lợi ích.

**Sau đây là mười Địa chứng vị phương tiện:** 1- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, thông đức thần linh, bày sinh nhà Phật, diệt nghĩa tám lỗi để ứng vật tình, lợi ích nhiếp sinh. 2- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở chỗ thành Phật nan cấu tự tại nhiếp thành gốc đức, là nghĩa lợi

ích chúng sinh pháp môn. 3- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, gần chỗ Phật tiện thuận theo như thật, thị hiện đức khắp, nhiếp nhuận chúng sinh pháp môn. 4- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở chỗ thành Phật giác pháp tự tại, thị hiện pháp môn lợi ích chúng sinh. 5- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở chỗ thành Phật gần gũi Thánh chỉ, tịch tịnh ứng cơ, phương tiện thắng tấn, các thứ khéo léo, là nghĩa giữ gìn chúng sinh lợi ích pháp môn. 6- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, y chỗ thành Phật thuận lý đức trung thành tựu duyên khởi là nghĩa cứu hộ chúng sinh pháp môn. 7- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở chỗ thành Phật khéo léo phương tiện chân tục đều quán, là nghĩa tu nhân cảm quả tự tại pháp môn. 8- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở chỗ thành Phật. Đại nguyện tự tại mau chóng thành tựu nhiếp lấy chúng sinh, đồng thể thành tựu là nghĩa lợi ích chúng sinh Bất cộng pháp môn. 9- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, ở chỗ hóa độ chúng sinh mà thị hiện thọ sinh trong cõi Diêm-phù-đề, ở vườn cây Lưu-di-ni dạo xem tự tại hiện pháp môn lợi ích chúng sinh. 10- Tri thức y cứ Biệt giáo Nhất thừa, từ chỗ Phật sinh là thành Ca-tỳ-la thị hiện từ bi, ý vui pháp môn, đối với chúng sinh giáo tự tại. Từ trên là tướng mượn vị tu hành. Từng duyên nhập thật tướng tri thức, y cứ Biệt giáo Nhất thừa thành Ca-tỳ-la chỗ Phật sinh, thật tướng duyên khởi thể dụng tự tại là nghĩa xuất sinh Chánh giác pháp môn. Dưới đây là nhiếp đức thành nhân tướng tri thức, y cứ Biệt giáo Nhất thừa, thuận theo chánh tướng, sinh ở phương Nam, nhân vị rớt ráo là nghĩa thành tâm Bồ-đề tự tại pháp môn. Dưới đây là trí chiếu không hai tướng tri thức, y cứ Biệt giáo Nhất thừa, vô tướng cát tường, quán chiếu thắng trí quyết định mạnh mẽ rớt ráo, là nghĩa Phổ Hiền tự tại thực hành pháp môn. Dưới đây là hiển nhân quảng đại tướng tri thức, y cứ Biệt giáo Nhất thừa kiến văn phổ đức rớt ráo quảng đại tự tại hạnh nguyện, là nghĩa tương ứng với quả Vô biên pháp môn. Lại y theo văn Di-lặc, chư Phật, Bồ-tát vô lượng kiếp tu, Thiện Tài một đời đều được, y theo kinh Hoa Nghiêm mau được thành Phật. Có năm đời: Một là y thắng thân một đời liền được, từ sau vị kiến văn một đời đến Ly cấu địa hậu thân liền thành Phật. Hai là y kiến văn được sinh nhanh chóng. Ba là y một đời nhanh chóng thành Phật. Bốn là một niệm nhanh chóng thành Phật. Năm là vô niệm nhanh chóng thành Phật. Nghĩa đầu có bốn: Một là y thế giới tánh, v.v... thân con Luân vương hiện thân thành Phật ở mười thế giới, như Đồng Tử Phổ Trang nghiêm v.v... Hai là y thân Thiên tử thắng, từ ba đường ác thoát ra mà sinh lên trời Đâu-suất, hiện thân thành Phật. Ba là y thân Diêm-phù-đề thắng công đức, như Thiện

Tài hiện thân rốt ráo hạnh Phổ Hiền, đời sau liền thấy Phật. Bốn là y thân Long nữ của kinh Pháp Hoa, thành Phật ở phương Nam, nghĩa là thân lưu hoặc nhanh chóng thành Phật. Hai là bốn kiến văn được sinh nhanh chóng, như trong Sơ địa nói có ba thời ích: Một là thời ích; hai là tu hành thời ích; ba là Chuyển sinh thời ích. Cho nên kinh Địa Luận nói: Các Như Lai ấy, che chở các Bồ-tát. Người này lắng nghe thọ trì các pháp mầu nhiệm như thế, đây là Văn thời ích, các Địa tịnh vô cấu lần lượt đầy đủ, chứng mười Phật lực, thành Bồ-đề Vô thượng. Đây là tu hành thời ích. Tuy ở trong biển lớn và trong lửa của kiếp tận, quyết định tin vô ngại sẽ được nghe kinh này. Đây là chuyển sinh thời ích. Ba là y một đời được mau chóng thành Phật, như đồng tử Thiện Tài ở chỗ tri thức trong khoảng một đời mà được pháp Phổ Hiền. Bốn là y một niệm được mau chóng thành Phật, là như khế hợp pháp Phổ Hiền một niệm liền thành Phật. Đây là Tục đế niệm. Năm là Vô niệm được mau chóng thành Phật, là tất cả pháp chẳng sinh, tất cả pháp chẳng diệt. Nếu như thế mà hiểu thì là người thấy Phật chân thật.

***Dung Hội Ba Thừa quyết hiển mà nói Diệu thú Nhất thừa:***

Pháp Viên thông lấy Cụ đức làm tông lý duyên khởi, thật dùng hai môn đều hiểu. Hai môn ấy tức là hai giáo Đồng Biệt. Biệt giáo là Biệt ở ba thừa, như kinh Pháp Hoa chép: Ngoài ba cõi thì riêng đòi xe trâu lớn. Đồng giáo, kinh nói hội ba về một, nên biết là đồng. Lại nói, đồng thì có nhiều nghĩa biệt: một là ngôn thông mục nên ngôn đồng lại hội, nghĩa chẳng đồng nhiều pháp môn, tùy lấy một môn, nghĩa khác không có tướng riêng nên nói là đồng. Nói đồng thì Ba thừa đồng Nhất thừa. Lại nói, đồng là Tiểu thừa, đồng với Nhất thừa. Lại nói, đồng là Tiểu thừa đồng với Ba thừa. Đức trước đã nói hai giáo Thông Biệt mà chưa thấy giải thích tướng. Nay lấy lý mà tìm thì cùng nghĩa chẳng khác.

Hỏi: Sở dĩ Phật giáo phân nhiều dùng một lời để thông mục các nghĩa đã thông mục các nghĩa thì ở trong biện tài vì sao nói Pháp, nghĩa, Từ lạc thuyết, v.v... ư?

Đáp: Phật giáo nếu chẳng thông mục, chúng sinh hữu tình tùy lời lấy nghĩa để định căn tánh, không vì hiểu gần mà xa ý chỉ. Sở dĩ Phật giáo giữ còn thông mục là y luận đạo và lập bày đạo để sinh trí diệt hoặc, khéo léo hiển lý thành quả. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói Tín giải hạnh, các vị dùng tín một lời mà thành Tín vị, trong vị gồm có tức thông lựa (giản) pháp tướng các vị trước sau khác nhau, và hội Phổ nhãn cảnh giới Nhất thừa vô ngại Đà-la-ni môn. Y cứ vào thành hảo này dưới một lời huyền lại càng huyền. Lại văn kinh Hoa Nghiêm



ở năm hội trước và mười minh trở đi, đến hết phẩm Bất tư nghi tức dùng Biệt giáo Nhất thừa vì Ba thừa mà nói. Trong Văn Thập Địa tức dùng Viên giáo Nhất thừa, vì hiển Biệt giáo Nhất thừa mà nói. Sở dĩ biết rõ vì trong văn đều dùng Tất-đà tự âm hội thành vô tận. Phổ Hiền tánh khởi dụng, Nhất thừa Biệt giáo ấy để hiển văn nghĩa Nhất thừa, do trong văn ấy nói rộng lớn, văn hai hội từ phẩm Ly Thế Gian trở đi. Nhất thừa Hạnh pháp lấy thủy nêu chung mà nói nên giáo nghĩa đều là Nhất thừa. Lại Mười Địa trở xuống, văn sáu quyết định trong bốn hội, vì sao chẳng y vào số mười mà nói. Đáp vì sáu quyết định là nghĩa bản phần, thân thể lược khó hiểu, nên mượn giáo ba thừa mà kiếp (tức) hiển huyền thú Nhất thừa, khiến cho người nghe một bề dễ hiểu văn kinh, khéo léo hai văn giao lạc hai nghĩa, hiển tông giới hạn rất khéo léo. Ba thừa duyên khởi, duyên tụ liền có, duyên tan liền lìa. Nhất thừa duyên khởi thì duyên tụ chẳng thật có, duyên tan chẳng lìa. Đây là y cứ chỗ đối chẳng đồng thành nương nhau. Lại như đồng thể y trì để nói nhân quả, lý tánh thể dụng ở nhân là nhân, ở quả là quả, tánh ấy bình đẳng. Nói theo duyên thì ở Nhất thừa tức tròn sáng đủ đức, ở ba thừa tức thì một tướng cô môn, ở Tiểu thừa thì bỏ sâu nói cạn. Ở phàm có thì chỉ sự mà không văn, đây tức là lý diệu thú. Lại pháp Nhất thừa đối cơ để nói biệt không phải là tự tướng mà có thể khác được. Tùy cơ mà nói biệt. Nên biệt càng biệt (thì tức mười biệt). Sở dĩ nói mười vì muốn nói lên vô lượng. Lại Nhất thừa đồng pháp, là đối trí để bày đồng, nếu dẫn cơ để hiểu đồng thì đồng càng đồng (tức mười đồng), tức cùng vô tận. Lại Tiểu thừa chưa cùng luận đạo nên có định luận. Biệt giáo Nhất thừa dứt hết luận đạo nên không luận nghĩa kinh mà pháp môn đầy đủ không dụ nào có thể nói. Không có kinh Thí dụ, pháp môn viên bị chẳng thể do đó mà nói. Không có kinh Nhân duyên. Lại luận Phật tánh nói về thông quán, đều quán diệt hết các hoặc, đều chứng các lý, đều thành các hạnh, đều chứng các quả. Đây là nói theo đồng giáo Nhất thừa. Nếu nói theo Biệt giáo Nhất thừa thì tức thông càng thông (tức mười thông) cùng khắp pháp giới. Các thứ khác đều y cứ theo đây. Lại nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: Sinh tử tức Niết-bàn không hai, không kia đây, là muốn nói ngay nơi sự là chân. Lại các kinh luận Ba thừa nói về địa vị và các thứ lớp khác nhau của môn pháp tướng, đều y cứ trong môn Tín giải mà nói như thế. Đại luận chép: Tùy một phương hóa nghi. Nếu y cứ vào hành pháp thì chẳng như hạnh giải ấy cùng vào giải môn. Lại Biệt giáo Nhất thừa, Phật và pháp Phổ Hiền hạnh nguyện đều bằng nhau, không có trước sau. Nhưng đối với nghĩa các pháp thì tùy nêu làm đầu, còn các



thứ khác là hạn, nên y cứ mà biết. Nếu tùy cơ muốn hoặc có biết chung tức là Đại thừa học, hoặc có biết riêng, tức là Tiểu thừa học. Nhất thừa đồng nghĩa với Biệt giáo, y Hải ấn định khởi Phổ nhân biết rõ. Giáo nghĩa Ba thừa, y Phật sau được pháp trụ trí mà nói Văn, Tư, Tu và Báo sinh thiện ý thức cùng nội chứng thắng trí phạm hạnh và trí chân thật mà biết rõ. Đây là nói theo Biệt tướng. Lại pháp nghĩa Nhất thừa xuất xuất thế (ra ngoài) chứng các thời khác, Kiến văn và Tỷ giải hạnh Ba thừa pháp nghĩa xuất thế được chứng. Thế gian tỷ mà giải hạnh Nhất thừa pháp nghĩa, Phật và Bồ-tát Phổ Hiền kiến lập nguyện hạnh, thức tình chúng sinh y đó mà trụ trì Nhất thừa pháp nghĩa lâm vào huyền tướng, huyền tướng mau được, nếu thấy Phật thì thấy rất nhanh. Xưng danh cũng thế, Bồ-tát cũng thế. Nhất thừa pháp nghĩa thành Phật cùng tất cả chúng sinh. Đồng thời, lại đồng thời... thành Phật. Sau đó đều mới dứt đoạn hoặc cũng chẳng trụ học địa mà thành Chánh Giác. Bồ-tát Phổ Hiền hạnh nguyện cũng thế. Ba thừa thì chẳng như thế. Lại trong Biệt giáo cũng có đồng biệt, do nhiều nên tức một là đồng, là một trong nhiều tức là biệt. Trong đồng giáo cũng có đồng biệt. Nhất thừa Ba thừa đồng một khéo léo, ấy là đồng, đều là y cứ căn cơ riêng khác, ấy là biệt. Chúng sinh hữu tình biết được cảnh thì không có các nghĩa nói từ trước đến nay. Vì sao? Vì là chấp biến kế. Tiên Đức nói: Chỉ một việc thật mà muôn tượng phức tạp khác nhau, chân tục khác mà thể đồng, phàm Thánh phân mà đạo hợp. Đây thì người trước đã thông việc này. Các điều từ trước đã nêu là lược mở hình dạng của tông tự Nhất thừa, trong khoảng thứ lớp pháp tướng ba thừa mà nói nghĩa để giải thích pháp thức nêu danh bày thể, giải thích nguyên do được tên luận rộng hẹp nói địa vị, bày trị định nhau, thông cục tùy nghĩa, phân biệt đủ duyên nhiều ít. Hỏi đáp để giải thích nghi, đủ như các chương và các luận, hiểu nghĩa thêm bớt của kinh Hoa Nghiêm.

Tương truyền rằng Bồ-tát Long Thọ xuống cung rồng thấy có Đại Bản Kinh Bát Tư nghì, có mười Tam thiên đại thiên thể giới vi trần số bài kệ, có bốn thiên hạ vi trần số phẩm. Trung bản có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Hạ bản có mười vạn bài kệ, ba mươi sáu phẩm. Chi Pháp Lãm từ nước Thiên Điện, có ba vạn sáu ngàn bài kệ, ba mươi bốn phẩm, lại thấy truyền đến Trung quốc này.

Giải thích hai kinh Anh Lạc Bản Nghiệp và Phạm Võng để nói lên Nhất thừa của kinh Hoa Nghiêm.

Bốn chủ bạn hai kinh hiển nhau, bốn kinh Anh lạc bản nghiệp,

Hội đầu nói mười thế giới hải. Hội thứ hai nói mười quốc độ hải. Hội thứ ba nói mười trụ. Hội thứ tư nói mười hạnh. Hội thứ năm nói mười hồi hưởng. Hội thứ sáu nói mười địa. Hội thứ bảy nói Thiện Tài nhập pháp giới. Hội thứ tám nói kinh Anh Lạc Bản Nghiệp. Hội thứ chín nói giai Vị Đăng giác. Hội thứ mười nói giai Vị Diệu giác. Thành sáu minh môn và bảy kiến. Trước nói riêng mười giới vô tận để thành vị. Nếu theo kinh Phạm Võng thì Phật Thích-ca ở cõi Tứ thiên, cung trời Ma-hê-thủ-la cùng vô lượng Đại phạm thiên vương và không thể nói chúng Bồ-tát mà nói phẩm Liên hoa tạng thế giới Lô-xá-na Phật tâm địa pháp. Lúc đó, Phật Thích-ca phát ra ánh sáng trí tuệ chiếu sáng thế giới Liên hoa đài tạng, trong đó tất cả thế giới, chúng sinh thấy tướng đều vui mừng và sinh nghi. Lúc đó, Phật Thích-ca nâng cao thế giới này, đại chúng lại đến thế giới Liên hoa đài tạng có trăm muôn ức tia sáng tử kim cương, thấy Phật Lô-xá-na đang ngồi trên tòa có trăm muôn ức hoa sen sáng rỡ. Phật Thích-ca và đại chúng kính lễ dưới chân Phật Lô-xá-na, thưa hỏi nhân duyên thành Phật. Lúc đó Phật Lô-xá-na rất vui mừng vì đại chúng nói nhân duyên thành Phật và nói hai báo y chánh và thành thân hóa Phật Thích-ca, nói rộng trong văn kinh. Bấy giờ, Phật Lô-xá-na đáp rộng lời ngàn hóa Phật và ngàn trăm ức thân hóa Phật Thích-ca mà nói pháp bốn vị, mười phát thí tâm, hai mươi tăng trưởng, ba mươi kim cương, bốn mươi địa để thành thắng quả. Nói rộng như văn kinh. Kế thành thứ lớp, Phật Lô-xá-na dẫn lời Phật nói ba đời trăm kiếp tu hành, thành phát tâm địa, hiện là Lô-xá-na thành thế giới hải Liên hoa đài tạng, rực rỡ ánh sáng trời. Ngồi trên tòa Sư tử, y các ánh sáng riêng mà thành Thiên Diệp Thượng Phật trì tâm địa pháp môn. Lại chuyển ngàn trăm ức Phật Thích-ca, thứ lớp nói thượng tâm địa pháp môn và Không tu hành. Các Đức Phật ấy đều từ thân phát ra bất tư nghị ánh sáng đều hóa thành vô lượng Phật, cùng một lúc đều dùng các hoa xanh vàng đỏ trắng cúng dường Phật Lô-xá-na, cúng dường xong thì đều từ thế giới Liên hoa đài tạng mà biến mất, biến mất rồi lại nhập vào tam-muội thể tánh hư không Hoa quang, rồi lại trở về dưới cây Bồ-đề ở thế giới Diêm-phù-đề. Lại xuất Tam-muội thể tánh Hoa quang, xuất rồi mới ngồi vào tòa Kim cương Thiên quan vương và Diệu quang đường, nói mười thế giới hải. Lại từ tòa đứng dậy đến cung Đế-thích nói pháp Mười Trụ. Lại đến Diệu thiên nói pháp Mười hạnh. Lại từ tòa dậy đến trời Hóa lạc nói Mười Địa. Lại đến Sơ thiên nói mười kim cương, lại đến Nhị thiên nói Mười Nhẫn. Lại đến Tam thiên nói mười nguyện. Lại đến Tứ thiên, cung Thiên vương Ma-hê-thủ-la nói phẩm Ngã bốn nguyện

Liên hoa tạng thế giới Lô-xá-na Phật tâm địa pháp môn. Ngoài ra, trăm ngàn ức Phật Thích-ca cũng lại như thế, chẳng hai chẳng khác. Bấy giờ, Phật Thích-ca từ thế giới hiện Liên hoa tạng ở phương Đông, lại vào cung trời nói Kinh Ma Thọ Hóa xong, bèn hạ sinh nước Ca-di côi Diêm-phù-đề ở phía Nam, mẹ tên Ma-da, cha tên Bạch Tịnh, mình tên Tất-đạt, bảy tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo hiệu là Thích-ca, ở đạo tràng Tịch tịnh, tòa Kim Cương Hoa Quang cho đến cung trời Ma-hê-thủ-la, thứ lớp nói về Thập trụ xứ. Khi ấy Phật nhìn thấy mảnh lười của các Đại phạm thiên vương mà vì nói vô lượng thế giới cũng như mất lười, mỗi thế giới đều khác nhau, có vô lượng Phật nói giáo môn cũng giống như thế. Nay ta đến thế giới này đã tám ngàn lần, vì thế giới Ta-bà này ma ngổi tòa Kim cương cho đến cung trời Ma-hê-thủ-la. Trong đó vì tất cả đại chúng lược mở bày tâm địa rồi, lại từ cung Thiên vương đến dưới cây Bồ-đề ở Diêm-phù-đề, vì tất cả chúng sinh phàm phu si ám ở trên đất ấy mà nói trong bản Lô-xá-na Phật tâm địa mới phát tâm thường tụng một giới quang minh, kim cương bảo giới là bốn nguyện của tất cả Phật, là bốn nguyện của tất cả Bồ-tát, Phật tánh hạt giống, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tất cả ý thức sắc tâm, tình ấy tâm ấy đều vào trong phạm vi Phật tánh, đều phải có nhân, đều phải thường trụ pháp thân. Mười vô tận Ba-la-đề-mộc-xoa như thế, có đủ trong văn kinh đã chép từ trước. Kinh Anh Lạc Bản Nghiệp nói rộng vị ấy, mà lược nói hành tướng, còn kinh Phạm Võng thì nói rộng hành tướng, còn vị tướng thì nói lược. Ở trên nói: Phật Thích-ca ở Tứ thiên nói pháp Tâm địa tức là hóa Thích-ca ở Diêm-phù-đề. Lại nói lên trong cõi trời ấy có riêng thân thật báo Lô-xá-na, cho đến thứ lớp ở cõi Diêm-phù-đề, bảy tuổi xuất gia trở đi và nói mười Trụ xứ. Hóa thân lại nói Báo thân Ba thừa, Hoa Nghiêm nói mười Trụ xứ. Thứ lớp đến đệ Tứ thiên. Sau xuống Diêm-phù nói lại mười giới. Y cứ vào văn tướng này kinh Anh Lạc và kinh Phạm Võng đều khác, chẳng đồng. Lại chỗ tụng lại mười giới cũng đều chẳng đồng. Đây y cứ Ba thừa Lô-xá-na Báo thân ấy đã hóa ngàn Phật và hóa ngàn ức Thích-ca cũng phải báo thân xuống cõi Diêm-phù-đề, bảy tuổi xuất gia, v.v... phải là Hóa thân. Nếu y theo Hoa Nghiêm thì chẳng như thế, vì có mười Phật khác nhau. Lô-xá-na v.v... và hóa thân Đức Thích-ca đều là mười Phật hóa dụng, phải nên y cứ theo đó mà biết. Nay văn kinh nói ở cõi Diêm-phù-đề tám ngàn lần lên xuống nói pháp Tâm địa, là chung với ứng hóa ấy hai chỗ cùng điếc mà nói. Nếu y Đại kinh vốn hội đầu nói mười thế giới hải và nói nghĩa giới hạn thế giới, hội thứ hai nói Tịnh độ hải và Tín giải hạnh thành tự pháp.

Hội thứ ba nói pháp Mười Trụ và nói các pháp. Hội thứ tư nói pháp mười Hạnh và pháp Mười Tạng. Hội thứ năm nói pháp Mười Hồi hương. Hội thứ sáu nói đức dụng nhân quả của mười địa và Phổ Hiền tánh khởi các pháp. Hội thứ bảy Phổ Quang nói pháp Ly thế gian. Hội thứ tám nói pháp Nhập pháp giới. Nếu y theo bản tiếng Phạm ở chùa Đại Từ Ân (của Huyền Trang) thì tăng thêm hội thứ chín. Phật dạy dưới cây và Phổ Quang Đường nói cảnh giới công đức của Như Lai, trong phẩm cảnh giới nhập, hỏi vì sao trên đã chép đều sai khác chẳng đồng. Đáp: Y vào Đại kinh bản đã nói lên môn tướng, tức cùng dung hòa lý sự tự tại các giáo nghĩa, vì một tức tất cả, tất cả tức một, như Đế Võng dụ cho vô tận khác nhau, như các giáo võng, chủ bạn hiển nhau, có tướng nhất định thì liền trái với lý. Kinh chủ bạn khác nhau chẳng đồng. Như Địa kinh nói nghĩa sáu quyết định là thể của Địa, trái lại chẳng dùng mười số mà y cứ Mười địa chẳng đồng ấy là tướng của địa, trái lại dùng mười số mục. Lấy đây mà nghiệm biết, Phật từ bi muốn cho dễ hiểu nên đem bất mãn số mục thể để mãn số mục trắng, đó là ý riêng của Phật. Nay, y cứ theo hai kinh Anh Lạc Bản Nghiệp và Phạm Võng thì số hội đủ mười. Kinh Hoa Nghiêm vốn chỉ có bảy, tám là không đủ. Nghĩa đều y cứ theo mà biết. Hai kinh Anh Lạc Bản Nghiệp và Phạm Võng kia thuộc Nhị thừa vì nghĩa có mười số gồm có hai môn: Một là thành môn Viên giáo; hai là chẳng thành môn Viên giáo. Nay đem kinh Phạm Võng, v.v... đối với kinh Đại Bản, Anh Lạc, v.v... mười số tức là riêng biệt chẳng đủ tất cả viên, cho nên thuộc Ba thừa. Chẳng đủ mười nghĩa số, cũng có hai thứ: Một là y cứ vào Ba thừa ấy khiến người hiểu được; hai là y cứ vào Nhất thừa, là ở hạ cơ tương đối để hiển bày Nhất thừa. Nay y cứ vào tương đối để hiển bày pháp môn nên dùng giáo chẳng đủ mười số, là thuộc Nhất thừa. Các thứ khác y cứ theo đây mà biết.

Chứng giới hạn Dụng Giáo của kinh Hoa Nghiêm.

Nay y vào bảy giáo mà chứng giới hạn văn nghĩa của kinh Hoa Nghiêm. Một là Kinh, tức là kinh Pháp Hoa, kinh Thắng-man, kinh Anh Lạc Bản Nghiệp, kinh Phạm Võng thì thuộc cảnh giới bất tư nghị của Như Lai. Hai là Luận, tức là luận Thập địa, Nhiếp luận, luận Du-già, luận Táp tập, luận Như thật, v.v...; ba là Sớ; bốn là Chương; năm là Sao; sáu là hỏi Đáp; bảy là Táp Khổng Mục.

Bốn Nghĩa Đồng khác của bản Phạm.

Y theo bản Hoa Nghiêm tiếng Phạm ở chùa Đại Từ Ân (của ngài Huyền Trang) có năm trăm bốn mươi một tờ lá bối (năm mươi lăm chữ là một hàng, hai mươi hàng là một tờ lá), một tờ lá mặt và lưng có hai

ngàn hai trăm tám mươi (280) chữ, mười tờ kể là hai mươi hai ngàn tám trăm (22.800) chữ. Ba mươi hai chữ là một là tụng, một trăm tờ phải có hai mươi hai vạn tám ngàn (228.000) chữ. Ba mươi hai chữ là một bài tụng, năm trăm bốn mươi một tờ thì có một trăm ba mươi hai ba ngàn bốn trăm tám mươi chữ. Y theo ba mươi hai chữ là một bài tụng, thì có bốn mươi một ngàn chín trăm năm mươi tám (41.958) bài tụng, dư mười chữ.

**\* Hội thứ nhất:**

1. Phẩm Thế Gian Tịnh Nhãn (từ tôi nghe như vậy trở đi...).
2. Phẩm Như Lai (từ phát vấn trở đi...).
3. Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Tu Hành Nhập Tam-ma-đề (từ Nhập định Tịnh tạng trở đi...).
4. Phẩm Thuyết Nhập Thế Giới Hải (từ năm biển trở đi...).
5. Phẩm Tịnh Thế Giới Hải Công Đức Quang Minh (từ Lập thế giới trở đi...).
6. Phẩm Thế giới Luân Viên Trang Nghiêm Hải (từ Phải biết thế giới hải Liên hoa tạng ... trở đi).
7. Phẩm Thuyết Thế giới Hải Trang Nghiêm Địa (từ núi Đại Thước-Ca-la trở đi).
8. Phẩm Quán Thế giới Tánh Xứ (từ chỗ Địa địa ấy trở đi).
9. Phẩm Quán Thế giới Xứ An Trụ Ấm Thanh (trên biển nước thơm này... trở đi).
10. Phẩm Tỳ-lô-xá-na (từ đây nói Thường Tịch Quang... trở đi).

**\* Hội thứ hai:**

11. Phẩm Như Lai Danh Xưng.
12. Phẩm Tứ Đế.
13. Phẩm Như Lai Xí Nhiên Giác.
14. Phẩm Bồ-tát Minh Nạn.
15. Phẩm Viên Tịnh Hạnh.
16. Phẩm Hiền Thắng.

**\* Hội thứ ba:**

17. Phẩm Tu-di Đảnh Nhập Như Lai.
18. Phẩm Tu-di Đảnh Như Lai Tác Bồ-tát Tập Thuyết Kệ.
19. Phẩm Thập Bồ-tát Thuyết Trụ.
20. Phẩm Phạm Hạnh.
21. Phẩm Thuyết Sơ Phát Tâm Bồ-tát Công Đức Hoa Tụ Dù Kệ.
22. Phẩm Minh Pháp.

**\* Hội thứ tư:**

23. Phẩm Tô-dạ-ma-phú Tác.
24. Phẩm Tô-dạ-ma-phú Bồ-tát Tập Thuyết Kệ.
25. Phẩm Thuyết Công Đức Hoa Hòa Hợp Thập Bồ-tát Hạnh.
26. Phẩm Thập Vô Tận Tạng.

**\* Hội thứ năm:**

27. Phẩm Như Lai Thăng Nhập Đâu-suất-đà Thiên.
28. Phẩm Đâu-suất Cung Bồ-tát Lai Thuyết Kệ.
29. Phẩm Kim Cương Tràng Hội Hương.

**\* Hội thứ sáu:**

30. Phẩm Thập Địa.
31. Phẩm Thần Thông.
32. Phẩm Nhẫn Nhục.
33. Tâm Phẩm Vương Vấn Toán Giáo Nhập.
34. Phẩm Thọ Lượng.
35. Phẩm Bồ-tát Trụ Xứ.
36. Phẩm Thuyết Phật Pháp Bất Tư Nghị.
37. Phẩm Thuyết Như Lai Thập Thân Tướng Hải.
38. Phẩm Tiểu Chung Hảo Quang Minh Thuyết Công Đức Môn.
39. Phẩm Thuyết Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh.
40. Phẩm Thuyết Như Lai Tánh Khởi.

**\* Hội thứ bảy:**

41. Phẩm Xuất Thế Gian.

**\* Hội thứ tám:**

42. Thiện Tài Ly Tham Tạng Phẩm (từ phẩm Nhập pháp giới trở đi...)
43. Phẩm Di-lặc Ly Tham Danh Thiện Tài Sở Vấn (từ có cõi nước hiệu là Khả Lạc trở đi)
  - Phổ Hiền Ly Tham Danh Cảnh
44. Phẩm Thuyết Như Lai Công Đức Bất Tư Nghị Cảnh Giới Thượng Cảnh Giới Nhập (từ Bấy giờ, Thiện Tài được thấy... trở đi)

Lại theo bản tiếng Phạm, Di-lặc tri thức để sau phẩm gọi là Đạo, tức là phẩm Di-lặc Ly Tham Danh Thiện Tài Sở Vấn, Phổ Hiền tri thức sau nói kệ trước rằng: Phổ Hiền Ly Tham gọi là Cảnh. Theo văn này thì phẩm Nhập pháp giới ở trước, Văn-thù du hành phương Nam ở sau, tức là trong giáo đại có ba nghĩa lớn, từ trước Văn-thù đến sau Di-lặc, nhân ấy dần thành tựu lớn. Từ sau Văn-thù đến sau Phổ Hiền là nhân thành tựu lớn, do phổ pháp ấy, Phổ Hiền kệ Văn-thù là giáo nói về tu thành

tự lớn. do ở trong nhân, giáo nói Phật chứng. Đây có hai nghĩa: Một là Chứng tư Sơ địa trở lên, thông với Phật địa, là chứng giới hạn, nay y giáo gọi là giáo nói tu thành tự lớn. Hai là quán tu y địa tiền tử vị, ý nói quán không phân biệt. Nay y giáo gọi là giáo, nói tu thành tự lớn. Giáo nói tu này thông với nhân thành tự và nhân dần thành tự trong hai vị lớn, lia lỗi hiển lý.

1. Văn-thù-sư-lợi.
2. Tỳ-kheo Công Đức Vân.
3. Tỳ-kheo Hải Vân.
4. Tỳ-kheo Thiên Trụ.
5. Lương Y Di-già.
6. Trưởng giả Giải Thoát.
7. Tỳ-kheo Hải Tràng.
8. Ưu-bà-di Hưu Xả.
9. Tỳ-mục-đa-la
10. Bà-la-môn Ưu-bà-tắc Phương Tiện Mạng.
11. Di-đà-la-ni Tử.
12. Tỳ-kheo Thiện Hiện.
13. Nước tên Du-na đạo tràng, đồng tử tên Thích Thiên Chủ.
14. Thành tên Đại thể, có Trưởng giả tên Điển Trụ.
15. Có trưởng giả tên Cam Lộ Đảnh, thành tên Sư Tử Mãn.
16. Trưởng giả tên Pháp Bảo Chu-la
17. Trưởng giả tên Phổ Nhân Diệu Âm.
18. Có vua tên Mãn Túc.
19. Vua tên Đại Quang.
20. Có Ưu-bà-di tên Bất Động.
21. Có ngoại đạo xuất gia tên Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh.
22. Có Ưu-bà-tắc tên Thắng Thanh Liên Hoa Hương.
23. Có Hải sư tên Tự tại, thành tên Thắng Sơn.
24. Thành tên Hỷ lạc, trưởng giả tên Vô Thượng Thắng.
25. Thành tên Ca-lăng-già-bà-đề, có Tỳ-kheo-ni Sư Tử Phấn Tấn.
26. Nước tên Hiểm Nạn, có cô gái tên Bà-tu-mật-đa.
27. Thành tên Thủ-bà-la, có Trưởng giả tên An Trụ.
28. Núi tên Quang minh, Bồ-tát tên Quán Thế Âm.
29. Phương Đông Bồ-tát tên Chánh Thú.
30. Thành tên Bà-la-bà-đề, trời tên Đại thiên.



31. Thần đạo tàng tên An Trụ.
32. Nước tên Ma-kiệt-đề, thành tên Ca-tỳ-la, trời (Dạ thiên) tên Bà-ta-bà-đà.
33. Dạ thiên tên Thâm Thâm Diệu Đức Ly Cấu Quang Minh.
34. Dạ thiên Hỷ Mục Quán Sánh Chúng Sinh.
35. Dạ thiên thừa đạo tràng chúng tên Diệu Đức Cứu Hộ Chúng Sinh.
36. Dạ thiên tên Tịch Tĩnh Âm.
37. Dạ thiên tên Diệu Đức Thủ Hộ Chư Thành.
38. Dạ thiên tên Khai Phu Thọ Hoa.
39. Dạ thiên tên Nguyệt Dũng Quang Minh Thủ Hộ Chúng Sinh.
40. Dạ tên Diệu Đức Viên Mãn.
41. Con gái dòng họ Thích-ca tên Cù-di.
42. Tên Ma-da phu nhân.
43. Trong thế giới này, trên tầng trời Đao-lợi có vị trời tên Chánh

- Niệm, trời ấy có cô gái.  
44. Tức là Di-lặc.  
45. Hậu Văn-thù.  
46. Tên Phổ Hiền.

### LỜI BẠT

Âu Dương Tử trong Nhật Bản Đao Ca chép: “Khi Từ Phước đi sách chưa đốt”. Dật thư trăm thiên nay vẫn còn, nghiêm cấm chẳng cho lưu truyền trong nước. Cả đời không ai biết văn xưa ấy. Than ôi, việc này thật hay giả, chưa có bằng cứ, chẳng thể dễ nói. Nhưng đến giáo điển của bậc đại hùng của chúng ta thì thật có, chẳng thẹn khi nói là còn. Bản Khổng Mục Chương được in ra mời tôi xem xét để ghi lời bạt ở cuối sách.

Niên hiệu Nguyên Lộc năm Tân Ty, tiết giữa thu (tháng tám âm lịch). Võ Lăng Kim Trạch Tăng Vân Đàm Thụy Huy, viết ở tại Lục Trầm ở Kinh đô.